BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 28.04.2018

PHẦN I

1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC
2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

PHẦN II

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017
3. KẾ HOẠCH NĂM 2018

PHỤ LỤC

1. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2017
2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Phần I

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động từ 01.01.1992 đã nhanh chóng là niềm hy vọng sống của biết bao người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần điều trị nội khoa hiệu quả để sớm hồi phục. Vào cuối năm 1999, Viện Tim đã mổ mỗi năm hàng ngàn trường hợp, tỷ lệ thành công là 97,6% đã có nhiều ngàn người bệnh tim được cứu sống nhưng cũng đã có hơn 5.000 người bệnh tim cần mổ còn phải đợi chờ. Làm sao để nhanh chóng cứu người đã không ngừng thôi thúc Viện Tim chuyển giao kỹ thuật cho các Bệnh viện bạn cùng chia sẻ gánh nặng với Viện Tim, cùng mổ tim để kịp cứu người.

Vào năm 2000, được sự khuyến khích của các vị Lãnh đạo thành phố, Sở Y tế và Bộ Y tế mong muốn Viện Tim huy động các nguồn lực trong xã hội xây dựng thêm một Bệnh viện chuyên khoa tim hiện đại, cùng quy mô như Viện Tim để nâng công suất mổ cả nước lên gấp 3 lần công suất của Viện Tim. Từ mục đích cao đẹp đó và trên cơ sở chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao ban hành trong Nghị định số 73/1999/NĐCP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được hình thành.

Ngày 27/10/2000 UBND thành phố Hồ Chí Minh qua công văn số 1641-VP-VX chỉ đạo Sở Y tế xem xét tạo điều kiện thành lập một Bệnh viện Tim tư nhân; Ngày 3/11/2000 Sở Y tế thành phố đã có ý kiến chỉ đạo Viện Tim hỗ trợ về đào tạo nhân lực, chuyển giao kỹ thuật cho Bệnh viện Tim Tâm Đức; Ngày 17/5/2002 Đại hội cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức gồm 8 thành viên với sự giúp đỡ của các Cố vấn: TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiếu, PGS. TS. BS. Phạm Nguyễn Vinh, BS. Phan Kim Phương và được sự ủng hộ nhiệt tình của GS. VS. Dương Quang Trung, GS. Alain Carpentier là những vị sáng lập nên Viện Tim, đã đặt những nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Tâm Đức.

Ngày 16/07/2002 Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001109 cho Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức. Năm 2004 Bệnh viện Tim Tâm Đức thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được khởi công xây dựng trên diện tích 10.000m2 tại số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích sử dụng 17.984 m^2, quy mô 180 giường, có đầy đủ các khoa:

- Khoa Khám điều trị ngoại trú có khả năng khám và điều trị mỗi ngày từ 300 đến 400 người bệnh về tim mạch; về chuyên Khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Sản Phụ khoa có liên quan vấn đề tim mạch, về cận lâm sàng và xét nghiệm.
- Khoa Phẫu thuật tim và mạch máu có 72 giường điều trị và 2 phòng mổ hiện đại có khả năng mổ 4-6 ca /ngày , 1.000 đến 1.200 ca/năm với các bệnh lý Tim bẩm sinh, bệnh van tim, bệnh động mạch vành và các bệnh tim và mạch máu khác.
- Khoa Hồi sức ngoại tim mạch có 15 giường Hồi sức sau mổ tim có khả năng điều trị hiệu quả những trường hợp hậu phẫu nặng, cho những bệnh nhi rất nhỏ tuổi cũng như những bệnh nhân rất nhiều tuổi.
- Khoa Hồi sức cấp cứu nội tim mạch có 18 giường, điều trị cấp cứu và hồi sức tích cực các bệnh lý tim mạch.
- Khối Nội tim mạch có 80 giường được tổ chức thành 3 Khoa NTM 1,2,3, điều trị nội các bệnh lý tim mạch cũng như những bệnh lý khác có liên quan đến tim mạch, có Phòng thăm dò chức năng tim mạch (Siêu âm Tim, ECG gắng sức), Phòng thăm dò loạn nhịp, khảo sát điện sinh lý tim để chẩn đoán cắt đốt hoặc cấy đặt các thiết bị điều trị rối loạn nhịp tim và Khoa thông tim can thiệp có khả năng thông tim can thiệp 5-6 trường hợp mỗi ngày, điều trị bệnh lý mạch vành, bệnh lý mạch máu khác, bệnh lý tim bẩm sinh và siêu âm trong lòng mạch (IVUS).

Bệnh viện Tim Tâm Đức tổ chức đơn vị Tiếp tân chuyên nghiệp, hướng dẫn chu đáo cho người đến khám bệnh, có nhà hàng phục vụ ăn uống và giải khát lịch sự, là nơi cung cấp thức ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú cũng như thân nhân người bệnh với nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, là nơi có thể tổ chức hội nghị khoảng 300 người. Đặc biệt Bệnh viện Tim Tâm Đức có bãi đáp trực thăng dành cho trường hợp cấp cứu khẩn cấp trong tương lai khi điều kiện cho phép.

Sau 18 tháng xây dựng và hơn 2 năm đào tạo đội ngũ chuyên khoa nội, ngoại khoa cho hơn 100 bác sĩ và y tá, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã chính thức khánh thành vào ngày 08/03/2006 và đã nhanh chóng trở thành niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần thông tim can thiệp kịp thời, điều trị loạn nhịp tiên tiến hoặc điều trị nội khoa hiệu quả.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

- Tên giao dịch : **TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : TAM DUC CO.
- Địa chỉ : Số 04 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: (08) 54110025 Fax: (08) 54110029
- Website: www.tamduchearthospital.com.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0302668322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 16/7/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/06/2015.
- Vốn điều lệ: 155.520.000.000đồng (*một trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn).*
- Người đại diện theo pháp luật của công ty :

  TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức là công ty đại chúng theo công văn số 08/UBCK-QLPH ngày 17/01/2008 của UBCK Nhà nước.
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu: 15.552.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Từ 08/3/2006 đến 31/12/2017, sau 12 năm hoạt động Bệnh viện Tim Tâm Đức đã khám điều trị ngoại trú cho 833.604 người bệnh; điều trị nội trú 53.900 người bệnh trong đó gần 60% từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Đã mổ 9.156 trường hợp tim bẩm sinh, bệnh van tim và bệnh mạch vành; đã thông tim can thiệp cho 14.111 trường hợp; đã khảo sát điện sinh lý và đặt máy tạo nhịp cho 2.294 trường hợp. Đặc biệt trước kia những người nước ngoài làm việc tại Việt nam mắc bệnh tim thường phải được cấp cứu chuyển sang nước ngoài điều trị rất phức tạp, nguy hiểm và tốn kém. Bốn năm gần đây những người nước ngoài làm việc tại Việt nam (Mỹ, Pháp, Nga,Ý, Anh, Đức, Nhật, Hàn quốc, Ấn độ, Đài loan, Singapore, Lào, Campuchia...) có vấn đề về tim mạch đã đến Tâm Đức để cấp cứu, thông tim, điều trị loạn nhịp và mổ bắc cầu động mạch vành.

Ngoài hoạt động khám, chữa bệnh, Bệnh viện Tim Tâm Đức còn phải chăm lo cho những người nghèo để cho họ cũng có cơ hội được chữa trị.

Không chỉ những người có khả năng chi trả chi phí mới được mổ tại Bệnh viện Tim Tâm Đức mà nơi đây còn là địa chỉ tin cậy để các Tổ chức từ thiện, Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo các tỉnh, Thành trong cả nước tin tưởng gởi các cháu bị bệnh tim bẩm sinh đến phẫu thuật. Tổng số bệnh nhân được phẫu thuật tim do các tổ chức và cá nhân từ thiện tài trợ chi phí từ lúc Bệnh viện bắt đầu hoạt động đến 31.12.2017 là 5.626 trường hợp chiếm tỷ lệ 61% tổng số bệnh nhân được mổ (5.626/9.156), với tổng số tiền được tài trợ lên đến 330 tỷ đồng.

Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Tp HCM đến thăm trẻ em nghèo mổ tim tại TÂM ĐỨC.

Bệnh viện luôn coi trọng công tác đào tạo chuyên môn, giúp đỡ y tế tuyến trước, tổ chức các khoá học về điện tâm đồ; chẩn đoán và điều trị loạn nhịp tim; định kỳ cử các bác sĩ đứng đầu các Khoa về y tế cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong chẩn đoán và điều trị các bệnh về tim mạch.

2. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ:

Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được xây dựng trên diện tích 10.000m^2 do UBND TP giao đất sử dụng trong 50 năm, khánh thành ngày 08/03/2006.

Ngày 03/02/2005, UBND TP giao thêm 5.000 m^2 ở khu vực phía sau liền kề.

Ngày 18/09/2009, Bệnh viện Tim Tâm Đức được phép xây dựng khu vực phía sau gồm 8 tầng , diện tích sàn xây dựng: 7.067m^2 để phát triển thêm 2 khu hồi sức nội và ngoại với 40 giường hồi sức; 2 phòng can thiệp tim mạch; 1 phòng khám số 2 có khả năng khám và điều trị ngoại trú cho 250 bệnh nhân/ngày và 3 Khoa điều trị mới với 80 giường.

Dự án đã được khởi công ngày 21/06/2010, hoàn thành vào cuối tháng 9/2011, hoạt động từ tháng 10.2011.

Đến nay, Tâm Đức có 2 khu khám ngoại trú, 257 giường nội trú, 3 phòng mổ, khoa Hồi sức cấp cứu hậu phẫu, Khoa điều trị Ngoại, các khoa điều trị Nội tim mạch, 1 phòng Thông tim can thiệp, 1 Phòng điện sinh lý tim, 1 phòng chụp X Quang cắt lớp (MSCT), 1 phòng nội soi tiêu hoá.

3. PHÁT TRIỂN VỐN ĐIỀU LỆ:

Công ty được thành lập ngày 16/07/2002 vốn điều lệ ban đầu là 28,9 tỷ đồng.

Đã có 2 đợt tăng vốn điều lệ trong các năm 2004 và 2007 theo các nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông.

Ngày 24/04/2010, Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 25,92 tỷ đồng từ các cổ đông hiện hữu. Ngày 12/01/2011, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (theo Giấy chứng nhận chào bán số 733/UBCK-GCN ngày 16/11/2010 của UBCKNN), vốn điều lệ hiện nay là 155,52 tỷ đồng. Tổng số cổ đông đến ngày 31.12.2017 là 214, có 3 cổ đông tổ chức.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỀ VỐN GÓP CỦA CỔ ĐÔNG

Đơn vị : triệu đồng

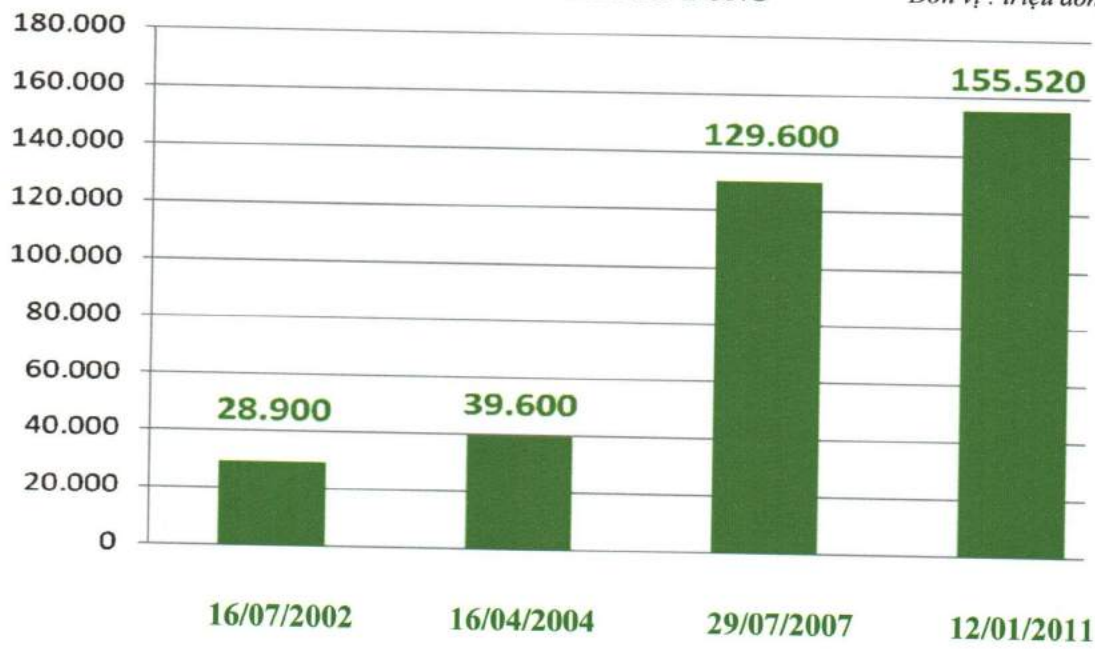

Phẫu thuật tim hở tại TÂM ĐỨC

Phần II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÂM ĐỨC NĂM 2017

KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC NĂM 2018

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017.

I. KẾT THÚC KẾ HOẠCH 2016, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2017

1. Báo cáo tài chánh niên độ 2016 ngày 20.03.2017
2. Kiểm toán báo cáo tài chánh niên độ 2016 do Công Ty Kiểm Toán AISC thực hiện ngày 20.03.2017, kết quả tốt
3. Ban kiểm soát làm việc với lãnh đạo Công Ty về kết quả hoạt động năm 2016 vào ngày 08.03.2017 nhất trí với kết quả hoạt động và việc thực hiện qui trình quản lý của Công Ty.
4. Đánh giá về sức khỏe tài chánh của Công Ty do Thạc sỹ Phạm Anh Dũng, Thành viên Hội Đồng Quản Trị giám sát về tài chánh đều cho thấy sức khỏe tài chánh của Tâm Đức tốt.
5. Xây dựng kế hoạch 2017:

Về chuyên môn:

- Khám chữa bệnh và điều trị nội trú phấn đấu đạt tăng trưởng 5% so với năm 2016. Khu vực mới xây dựng phía sau sẽ phát huy tác dụng nhưng có thể chưa cao do tình hình khó khăn chung
- Thông tim can thiệp và Điện sinh lý tim có khả năng đạt trên 1.500 trường hợp, tăng 10% so với năm 2016
- Về mổ tim, do tình hình khó khăn về kinh tế nên sự giúp đỡ tài trợ cho trẻ em nghèo gặp khó khăn, có thể sẽ giảm do một số nhà tài trợ quan ngại. Vì vậy, để đảm bảo số trẻ em nghèo được mổ ở Tâm Đức không giảm, Tâm Đức khởi động chương trình khám lọc bệnh tại các tỉnh ngay từ đầu năm 2017.
- Năm 2017, theo dự kiến chương trình mổ tim trẻ em mắc bệnh tim ở các địa phương sẽ còn rất khó khăn, cố gắng phấn đấu đạt trên 500 ca phẫu thuật.

Về nhân sự:

- Trong tình hình có nhiều khó khăn ở bên ngoài, chính sách về nhân sự vô cùng quan trọng. Hết sức cẩn trọng khi tuyển dụng thêm, chủ yếu sẽ là tuyển dụng thay thế nhân viên nghỉ việc. Tiếp tục gởi bác sĩ đào tạo trong nước và nước ngoài.
- Tổng quỹ lương 2016 là 96,39 tỷ đồng, tăng 7% so với 2015. Năm 2017 dự kiến tổng quỹ lương sẽ đạt mức 100 tỷ
- Năm 2017 dự kiến nếu đạt kế hoạch tài chánh, sẽ thưởng 2 tháng lương, nếu vượt kế hoạch tài chánh, sẽ tăng thêm. Năm 2016, vượt kế hoạch tài chánh, nhân viên Tâm Đức đã được thưởng hơn 2 tháng lương cơ bản.

Về tài chánh:

- Phân tích về phí, nhất là biến phí bình quân của mổ tim, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim là những hoạt động điều trị có phí rất cao để xác định chính xác về giá.
- Xác định tất cả các loại giá cho 2017.
- Kết quả tài chánh năm 2017 chỉ có khả năng cao hơn 2016, nhưng không nhiều vì tình hình mổ tim dự đoán sẽ thấp hơn 2016 như xu hướng chung của cả nước.

II. CHUẨN BỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2017

Hội Đồng Quản Trị đã họp phiên thứ 1 năm 2017 ngày 10.03 2017 để thông qua kết quả hoạt động 2016, kế hoạch 2017, và chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2017

Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị ngày 10.03.2017 đã thông qua đánh giá hoạt động năm 2016 và xác định kế hoạch năm 2017 về chuyên môn và về tài chánh. *Về chuyên môn*: tăng 5% so với năm 2015. Riêng hoạt động phẫu thuật, cố gắng đạt trên 500 ca/năm, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim đạt trên 1.500 ca/năm. *Về tài chánh*: đảm bảo tăng trưởng bền vững trên cơ sở tăng các hoạt động, điều chỉnh giá hợp lý, kịp thời và triệt để tiết kiệm chi tiêu nhằm đạt:

Tổng doanh thu	*480 tỷ đồng*
Lợi nhuận trước thuế	*65 tỷ đồng*
Lợi nhuận sau thuế	*58 tỷ đồng*
Cổ tức	*30%/mệnh giá*

III. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017 NGÀY 29.04.2017:

- Tổng số cổ đông chốt danh sách ngày 07.04.2017: 207
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 121
- Tổng số cổ phần tham dự đại hội: *13.893.272* cổ phần, chiếm tỷ lệ 89,33%
- Nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông ngày 29.04.2017:

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông 29.04.2017:

1. *Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016, báo cáo kiểm toán niên độ 2016 (100%)*
2. *Thông qua báo cáo của ban kiểm soát năm 2016.* (100%)
3. *Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức 2016 (100%)*
4. *Thông qua kế hoạch Tâm Đức 2017 (100%)*
   Về nhân sự :
   Chỉ tuyển dụng cho những vị trí nghỉ việc và những vị trí cho hoạt động mới..
   Về chuyên môn :
   Các chỉ tiêu về khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú phấn đấu tăng 5% so với 2016. Phẫu thuật tim đạt trên 500, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim trên 1.500.
   Về tài chánh :

Tổng doanh thu	480 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	65 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	58 tỷ đồng
Cổ tức	*30%/mệnh giá*

5. *Thông qua kế hoạch trích quỹ 2017 (100%)*
6. *Thông qua đề xuất uỷ quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chánh niên độ 2017 (100%)*
7. *Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2017 (100%)*
8. *Thông qua sửa đổi Điều lệ (100%)*

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 29.04.2017:

1. *Về nhân sự:*

   - Tổng số nhân viên năm 2017 là 558 (2016: 553)
   - Tổng quỹ lương năm 2017: 114,95 tỷ đồng.

2. *Về chuyên môn:*

   Năm 2017 dự kiến trẻ em mắc bệnh tim cần mổ ở các địa phương cũng sẽ có nhiều lựa chọn bệnh viện để được mổ. Tâm Đức đã tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và các nhà tài trợ. Tâm Đức đã đến các tỉnh Trà Vinh, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, An Giang, Phú Yên, Tiền Giang, Lâm đồng, Long an, Bến Tre, Đắc lắc khám 3550 trẻ, trong đó 296 trẻ có chỉ định phẫu thuật. Năm 2017 Tâm Đức cũng đã mổ được 319 em gồm các em có chỉ định phẫu thuật trong các đợt khám lọc và những em do các cá nhân thiện nguyện đưa đến, chiếm 63% tổng số ca phẫu thuật 2017 (319/509) (năm 2016: 66% ; 319/480), tổng số tiền tài trợ là 26.063.437.117 đồng.

   Tổng số ca mổ năm 2017 cao hơn 4,8% so với năm 2016 (509/480)

3. *Về tài chánh:*

   - Tổng doanh thu: 545.579.986.044 *đồng, tăng 13,27% so với năm 2016* (545.579.986.044 */481.655.533.041*)
   - Lợi nhuận trước thuế: *71.136.337.726 đồng, tăng 11% so với năm 2016 (71.136.337.726 /64.016.631.962)*
   - Lợi nhuận sau thuế *63.032.416.458 đồng, tăng 11% so với năm 2016* (*63.032.416.458 /56.804.368.801*)

V. VỀ CỔ ĐÔNG:

1. *Công ty Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) tiếp tục là công ty quản lý cổ đông của Tâm Đức*

2. *Tình hình cổ đông không có biến động nhiều*

   Đại hội cổ đông 24.04.2011: 243 cổ đông

   Đại hội cổ đông 25.04.2012: 226 cổ đông

   Đại hội cổ đông 27.04.2013: 219 cổ đông

   Đại hội cổ đông 26.04.2014: 203 cổ đông

   Đại hội cổ đông 25.04.2015: 205 cổ đông

   Đại hội cổ đông 29.04.2016: 206 cổ đông

   Đại hội cổ đông 29.04.2017: 207 cổ đông

3. *Về cổ tức:*

   Năm 2011: cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: *10%* ngày 20.08.2011; tạm ứng đợt 2: *10%* ngày 10.01.2012; đợt 3: *6%* ngày 10.05.2012.

   Năm 2012 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: *10%* ngày 28.08.2012; tạm ứng đợt 2: *10%* ngày 28.12.2012; đợt 3: *6%* ngày 11.05.2013.

   Năm 2013 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: *10%* ngày 22.08.2013; tạm ứng đợt 2: *10%* ngày 14.01.2014; đợt 3: *6%* chi vào ngày 12.05.2014.

   Năm 2014 : cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: *10%* ngày 15.08.2014; tạm ứng đợt 2: *10%* ngày 20.01.2015; đợt 3: *10%* chi vào ngày 22.05.2015.

Năm 2015: *cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1:* 10% *ngày 18.08.2015; tạm ứng đợt 2:* 10% *ngày 21.12.2015; đợt 3:* 10% *chi vào ngày 20.05.2016.*

Năm 2016: *cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá.* Tạm ứng cổ tức đợt 1: *10% mệnh giá vào ngày 15.08.2016*, tạm ứng cổ tức đợt 2: *là 10%/ mệnh giá vào ngày 12.12.2016* đợt 3: *10% chi vào ngày 29.05.2017.*

Năm 2017: Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2017, cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 19.01.2018. Mức cổ tức còn lại dự kiến là 13%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông 28.04.2018

VI. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06.10.2015 về công bố thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán, Tâm Đức đã công bố theo qui định trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện, cổng thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán và gửi Ủy Ban Chứng Khoán:

Stt	Nội dung	Ngày
01	Thay đổi Tổng Giám Đốc	10.03.2017
02	Kết quả tài chính 2016 đã kiểm toán	27.03.2017
03	Báo cáo thường niên năm 2016 theo mẫu PLII	03.04.2017
04	Tài liệu họp Đại Hội Cổ Đông 2017	14.04.2017
05	Báo cáo tài chính quý 1 năm 2017	20.04.2017
06	Nghị quyết và Biên Bản Đại Hội Cổ Đông 2017	29.04.2017
07	Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2017 theo mẫu PLIII	07.07.2017
08	Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 đã soát xét	15.08.2017
09	Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017	23.10.2017
10	Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017	22.01.2018
11	Báo cáo quản trị năm 2017 theo mẫu PLV	26.01.2018
12	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Cổ Đông 2018	19.03.2018

Bệnh viện Tim Tâm Đức, khu vực mới xây dựng 2012

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ :

1.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2000, lần lượt được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2005, và Luật Doanh nghiệp năm 2014, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của công ty. Hiện nay Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức có:

Bệnh viện Tim Tâm Đức số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh.

Phòng khám Đa khoa Tâm Đức số 81-83 Thành Thái, P.14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Phòng khám Đa khoa Phúc Đức số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh.

1.2. NHÂN SỰ

1.2.1 NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO:

1. SÁNG LẬP . CỐ VẤN TÂM ĐỨC:

1. TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiếu
2. PGS.TS.BS. Phạm Nguyễn Vinh
3. ThS.BS. Phan Kim Phương

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1.	TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiếu	Chủ tịch
2.	PGS.TS.BS. Phạm Nguyễn Vinh	Thành viên
3.	ThS.BS. Chu Trọng Hiệp	Thành viên
4.	ThS. Phạm Anh Dũng	Thành viên
5.	ThS. Đỗ Kim Thúy	Thành viên

3. BAN GIÁM ĐỐC

1.	ThS. Đỗ Kim Thuý	Tổng Giám Đốc
2.	TS. BS. Tôn Thất Minh	Giám Đốc Bệnh viện
3.	PGS.TS.BS. Phạm Nguyễn Vinh	Giám Đốc Chuyên môn
4.	ThS. BS. Phan Kim Phương	Giám Đốc Chuyên môn
5.	ThS.BS. Chu Trọng Hiệp	Giám Đốc Chuyên Môn phụ trách Ngoại Khoa
6.	BS. Phạm Bích Xuân	Giám Đốc Đối Ngoại

7.	PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám Đốc phụ trách Nội tiết-chuyển hoá
8.	BS. Đinh Đức Huy	Phó Giám Đốc phụ trách Thông Tim Can Thiệp
9.	BS. Bùi Minh Đông	Phó Giám Đốc phụ trách BHYT
10.	CN. Trương Thị Mai Lan	Phó Giám Đốc Hành Chánh Quản Trị
11.	CN. Phan Thị Thanh Nga	Phó Giám Đốc Tài Chính
12.	CN. Võ Thiện Tân	Kế toán Trưởng

4. BAN KIỂM SOÁT

1.	CN. Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng Ban
2.	Bà. Bùi Thúy Kiều	Thành viên
3.	Bs. Nguyễn Nhị Phương	Thành viên

1.2.2. NHÂN SỰ:

Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2017 là: 558 người, thành phần như sau:

Stt	Chức danh	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Tỷ lệ %
1	Phó Giáo sư	1	1	1	1	1	2	2	2	2	0,36
2	Tiến sĩ	1	2	2	2	2	2	3	3	3	0,54
3	Thạc sĩ y khoa	4	5	6	8	12	13	14	17	17	3,05
4	Chuyên khoa I	17	16	16	15	16	16	22	21	20	3,58
5	Chuyên khoa II						2	4	4	6	1,08
6	Bác sĩ	68	66	68	66	64	64	58	54	50	8,96
7	Dược sĩ	5	5	5	4	4	4	4	5	5	0,90
8	Dược trung cấp	12	14	16	17	18	18	20	20	20	3,58
9	Dược tá	3	3	3	3	2	2	2	2	2	0,36
10	Điều dưỡng	177	177	205	206	201	201	213	209	216	38,71
11	KTV	27	30	32	32	30	31	33	35	35	6,27
12	Trợ thủ nha	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0,54
13	Y công	67	65	63	67	61	61	62	63	60	10,75
14	Thạc sĩ khác									1	0,18
15	Đại học khác	28	27	31	32	28	25	27	35	36	6,45
16	Cao đẳng	6	7	9	10	10	8	8	8	7	1,25
17	Trung cấp	18	19	19	18	19	20	20	18	17	3,05
18	Khác	53	56	57	61	58	53	54	54	58	10,39
	Tổng số	***490***	***496***	***536***	***545***	***529***	***525***	***549***	**553**	558	*100*

Tổng số nhân viên năm 2017 *tương đương* so với cuối năm 2016 (558/553). Không có biến động lớn về nhân sự. Tổng số bác sĩ: 98, bác sĩ sau đại học: 50% tổng số bác sĩ. Tổng số điều dưỡng và kỹ thuật viên: 251. Thạc sĩ và cử nhân: 10% tổng số điều dưỡng và kỹ thuật viên điều dưỡng. Tỷ lệ điều dưỡng/bác sĩ lớn hơn 2

1.3. BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ BẢO HIỂM Y TẾ CHO NHÂN VIÊN :

Đến 31/12/2017, 533 nhân viên được đóng BHXH

Tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 là 9.920.133.955 đồng (Trong đó Công ty đóng 6.688.027.790 đồng (67,40%), người lao động đóng 3.234.106.164 đồng (32,60%))

1.4. LƯƠNG THƯỞNG :

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng quỹ lương	Tổng chi phí	Tỷ lệ %
2006	14.740.688.798	75.446.395.174	19,5%
2007	24.279.544.603	107.616.715.352	22,6%
2008	33.836.577.056	146.592.825.738	23,1%
2009	47.293.054.463	181.339.563.186	26,1%
2010	55.945.847.154	239.629.700.266	23,3%
2011	70.345.030.112	286.165.263.338	24,6%
2012	79.333.788.532	346.950.982.281	22,8%
2013	80.054.233.195	352.718.233.061	22,7%
2014	81.866.636.591	370.317.220.110	22,1%
2015	90.578.564.688	385.658.363.692	23,4%
2016	96.397.450.849	417.499.744.788	23,1%
2017	**114.955.958.436**	**474.443.648.318**	**24,2%**

Năm 2017, tổng quỹ lương thực hiện đến 31.12.2017 là 114,95 tỷ. Tổng quỹ lương tăng do thưởng thành quả tăng theo kết quả hoạt động. Tổng doanh thu hoạt động tăng 13,27%

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

2.1. KHU KHÁM BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ CỦA BỆNH VIỆN

	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Khám tim	33.671	44.087	56.855	68.857	77429	82.470	83.613	78.439	80.290	*86.878*
Khám chuyên gia theo yêu cầu	*11.037*	*17.013*	*22.152*	25.695	*29515*	32.566	31.828	29.816	31.246	*32.712*
Khám thường quy	*22.634*	*27.068*	*34.703*	43.162	*47914*	49.904	51.785	48.623	49.044	*54.166*
Hội chẩn ngoại	736	849	1.211	1.025	1061	721	530	540	356	*494*
Hội chẩn nội	503	538	825	741	932	701	709	741	667	*419*
Khám RHM	1.956	2.455	2.502	3.514	3484	2.831	2.494	1.734	1.509	*1.402*
Khám TMH	2.055	2.383	2.574	2.331	2598	2.439	2.357	2.477	2.494	*2.327*
Khám mắt	871	1.926	2.193	2.442	2557	2.440	2.282	2.315	2.040	*1.430*
Khám phụ khoa		433	601	550	493	500	529	736	608	*516*
Khám nội thận							19	0		-
Khám nội thần kinh							65	7		-
Khám nội tiết							192	942	995	*1.201*
Khám nam khoa									66	*39*
Nội tổng quát								647	2.987	*2.816*
Khám nhi								124	505	*434*
Khám sức khoẻ tổng quát								473	844	*672*
Tổng cộng	**39.792**	**52.671**	**66.099**	**78.961**	**88.554**	**92.102**	**92.790**	**89.175**	**93.361**	**98.628**

Khám bệnh năm 2017 tăng 5,6% (98.628/93.361) so với 2016 trong đó khám tim *tăng 8,2%* (86.878/80.290).

Mỗi ngày bình quân có trên 320 người bệnh đến khám. Ngày cao nhất là 454 người. Bệnh mới:20% ; Bệnh nhân tái khám :80%. (Năm 2016 : Bệnh mới : 14-15% ; Bệnh tái khám : 85-86%)

Năm 2017 tổng số bệnh nhân đến cấp cứu *tương đương* (3.555/3.610) năm 2016. Nhiều nhất là bệnh mạch vành.

Biểu đồ 01: Số lượt bệnh nhân khám bình quân/ngày từ 2010 đến 2017

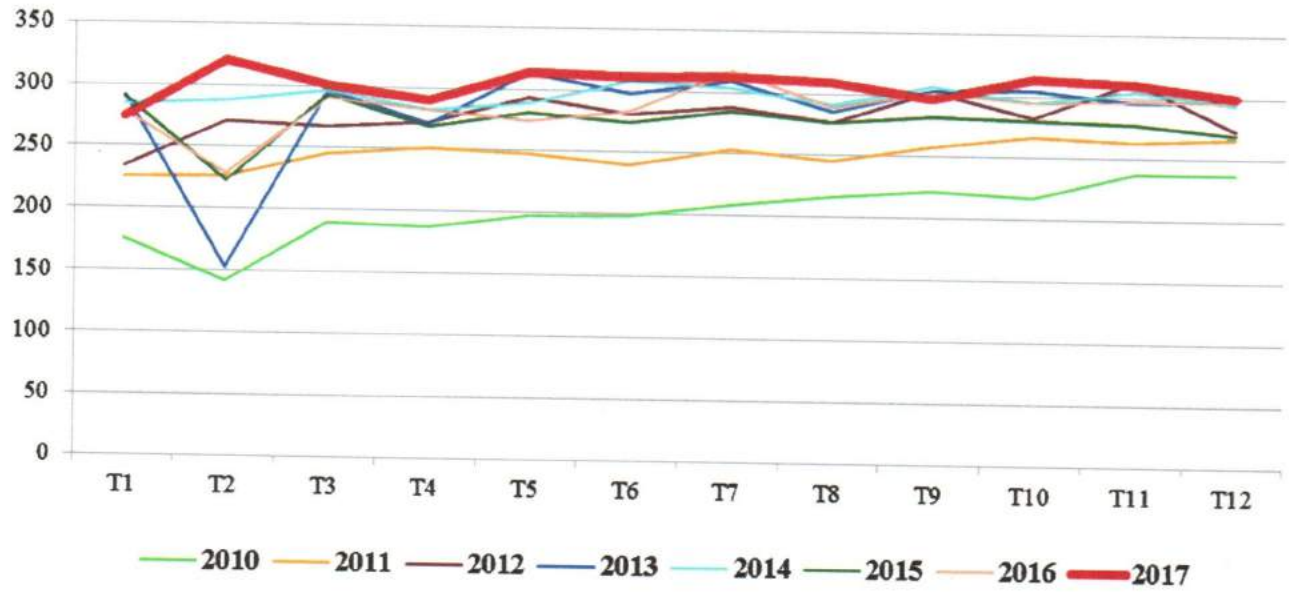

2.2. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ:

a. Bệnh nhân nhập viện:

	2.011		2012		2013		2014		2015		2016		2017	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TPHCM	2.136	44	2.128	40	2.099	41	2.182	44	2.176	45	2.458	46	2617	48
Tỉnh phía Nam	2.226	46	2.489	47	2.470	48	2.142	44	2.048	42	2.285	42	2319	42
Tỉnh miền Trung	335	6	372	7	326	6	336	7	336	7	339	6	309	6
Tỉnh phía Bắc	35	1	21	1	30	1	25	1	20	1	32	1	22	0
Nước ngoài	123	3	264	5	244	4	230	4	266	5	278	5	218	4
Cộng	**4.855**	**100**	**5.274**	**100**	**5.169**	**100**	**4.915**	**100**	**4.846**	**100**	**5.392**	**100**	**5.485**	**100**

Năm 2017 *tăng 1,7%* so với năm 2016 (5.485/5.392)

Bệnh nhân của Tâm Đức chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Bệnh nhân là người nước ngoài nhiều quốc tịch đã khám ở Tâm Đức tăng dần qua các năm. 2017: 965 (1%). Năm 2017, có 965 bệnh nhân nước ngoài khám ngoại trú bao gồm Úc, Singapore, Philippine, Nhật, Canada, Anh Áo, Đài loan, Đan mạch, Lào, Hàn Quốc, Trung Quốc, Campuchia..., trong đó bệnh nhân là người Campuchia chiếm 65%. Bệnh nhân là người nước ngoài đến điều trị nội trú 218 trường hợp, chiếm 4% bệnh nhân nội trú của Tâm Đức, bao gồm Mỹ, Úc, Thổ nhĩ kỳ, Singapore, Philippine, Pháp, Nhật, Malaysia, Lào, Hàn Quốc, Italy, Nga, Tây ban nha, Thái lan, Thuỵ sĩ, Thuỵ điển, Indonesia, Ấn độ, Hồng kông, Ghana, Đức, Đan Mạch, Đài Loan, Cộng hoà Séc, Trung Quốc, Canada, Campuchia, Anh, Ấn độ, trong đó bệnh nhân là người Campuchia chiếm 50% (112/218); 55% trong số đó được thông tim can thiệp hoặc phẫu thuật tim (121/218).

b. Tổng số ngày nằm viện

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số ngày nằm viện	28.151	37.080	38.832	42.049	39.600	45.101	41.163	39.579	39.460	41.002	45.121

Tổng số ngày nằm viện năm 2017 *tăng 10%* so với 2016 (45.121/41.002)

c. Số ngày điều trị trung bình

Khoa	Số ngày điều trị trung bình							
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Nội tim mạch 1	5	5	5,3	5,2	5,2	5,9	5,63	4,90
Nội tim mạch 2	3,5	4,5	4,6	4,7	4,7	4,7	4,28	6,73
Nội tim mạch 3	4	5,4	6	5,9	6	6,5	8,11	6,93
Nội tim mạch 4		5,6	6,4	6,1	6,8	7,2	8,36	7,75
Nội tim mạch 5		4,9	5,4	5	5	5,6	8,24	8,31
Nội tim mạch - mạch máu		4,8	5	5	5,1	4,7	5,64	5,31
Nội tim mạch trẻ em						5,4	6,39	6,4
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	3,6	3,9	3,8	3,97	4,1	3,62	4,82	5,7
Cấp cứu								4,7
Ngoại tim mạch	7,2	6,5	6,7	6,1	6,7	6,5	14,96	15,94
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	2,2	2,4	2,4	2,66	3,4	3,62	2,87	4,02

Số ngày điều trị trung bình ổn định qua các năm. Số ngày điều trị trung bình của Khối nội từ 5-8 ngày, Cấp cứu nội tim mạch từ 4-6 ngày, Ngoại tim mạch là 15,9 ngày, Hồi sức ngoại là 4,02 ngày. Số ngày điều trị trung bình ở Ngoại tim mạch và Hồi sức ngoại tăng là do bệnh lý phức tạp của các trẻ em nghèo được các địa phương gửi đến phẫu thuật.

d. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh

Khoa	Tỷ lệ sử dụng giường (%)							
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Nội tim mạch 1	80	74	44	43	43	40	44	35
Nội tim mạch 2	40	65	55	52	52	43	36	50
Nội tim mạch 3	32	54	33	29	28	34	39	41
Nội tim mạch 4		38	43	41	42	44	45	51
Nội tim mạch 5		24	28	30	32	40	57	66
Nội tim mạch - mạch máu		54	43	48	40	38	42	40
Nội tim mạch trẻ em						16	40	25
Hồi sức nội tim mạch	71	60	65	65	60	57	56	96
Cấp cứu								80
Ngoại tim mạch	62	52	53	39	34	35	59	70
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	53	54	57	63	64	52	46	59

Tỷ lệ sử dụng giường bệnh *tăng so với* 2016. Bình quân mỗi ngày có từ 122-130 bệnh nhân nằm viện. Tỷ lệ sử dụng giường chưa vượt quá 60%

Biểu đồ 02: Số bệnh nhân nằm viện bình quân/ngày từ 2010 đến 2017

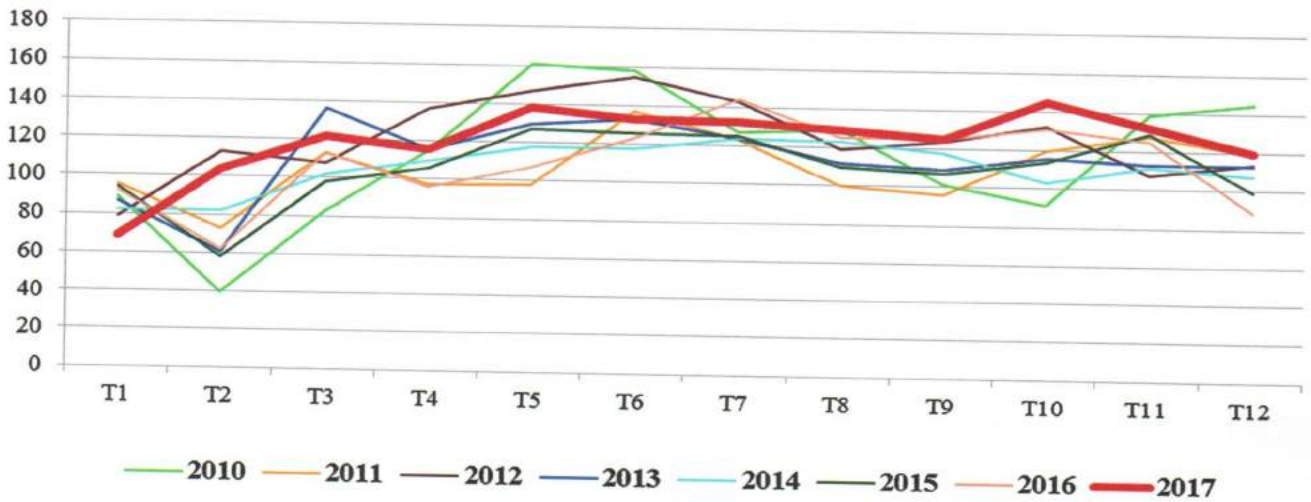

2.3 THÔNG TIM CAN THIỆP :

Biểu đồ 03: Số ca thông tim can thiệp và điện sinh lý tim hàng tháng từ 2010 đến 2017

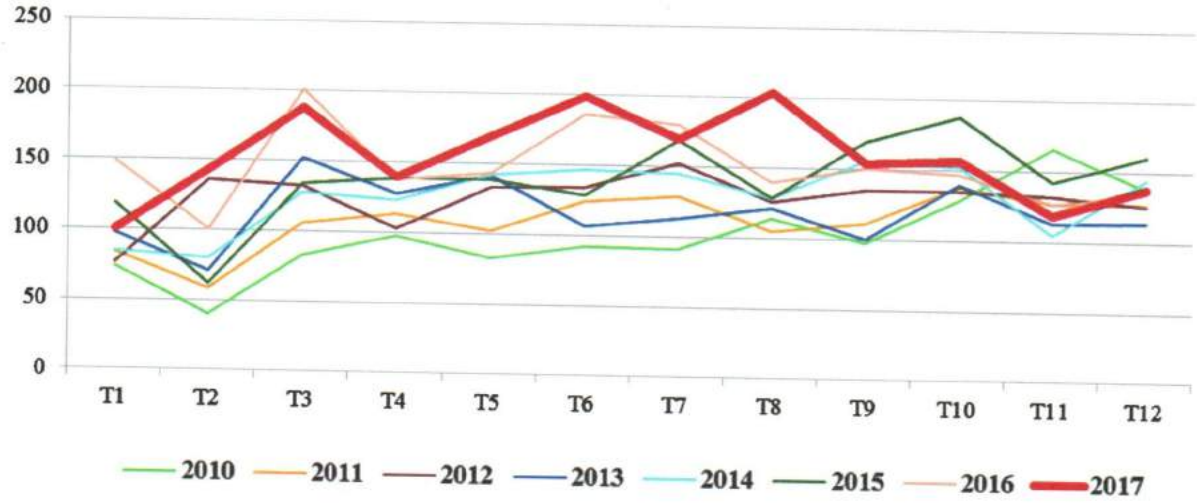

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1 Mạch vành	*1026*	*691*	*768*	*769*	*971*	*854*	*1.039*	*1.231*	*1.293*	*1.427*
Chụp mạch vành	834	509	514	505	606	559	721	858	863	938
Chụp và nong mạch vành	79	105	165	207	289	220	80	0		0
Nong mạch vành	113	77	89	57	76	75	238	373	430	489
2.Mạch máu	*71*	*97*	*150*	*114*	*160*	*133*	*78*	*80*	*63*	*72*
Chụp chẩn đoán m/ máu ngoại biên	8	10	8	13	25	14	6	11	13	11
Can thiệp mạch máu ngoại biên	8	4	3	2	1	11	11	17	2	5
Can thiệp mạch máu									4	0
Nong động mạch thận	2	5	1	0	3	1	0	0	1	1
IVUS	53	69	125	84	116	92	52	41	31	40
Can thiệp động mạch cảnh		9	13	15	15	4	3	3	2	5
Can thiệp động mạch chủ, bụng, ngực						6	6	4	6	7
Can thiệp động mạch chậu/dưới đòn/đùi						5	0	4	4	3
3.Nong van 2 lá bằng bóng	*10*	*3*	*4*	*5*	*6*	*6*	*6*	*5*	*7*	*7*
4. Nong van 2 lá bằng mitral clip								*2*	*0*	*0*
5. Thay van động mạch chủ qua da								*1*	*0*	*0*
6. Tim bẩm sinh	*219*	*88*	*225*	*179*	*140*	*180*	*188*	*170*	*171*	*132*
Đóng ống động mạch	72	9	49	27	22	19	27	26	27	12
Đóng thông liên nhĩ	46	12	64	42	30	63	39	32	44	44
Chụp mmáu tbs	26	28	24	27	32	38	54	41	34	2
Đo kháng lực mạch máu phổi	29	24	45	30	28	30	35	43	34	36
Nong van động mạch phổi bằng bóng	46	1	9	10	5	11	5	4	5	4
Đo kháng lực mmáu phổi + chụp mm		8	10	6	7	3	7	10	9	28
Đo FFR		6	24	37	16	14	17	11	11	4
Đốt vách liên thất bằng cồn						2	4	3	1	1
Dò động mạch vành									4	1
Đặt stent động mạch phổi									2	0
Tổng cộng (1+2+3+4)	**1.326**	**879**	**1.147**	**1.067**	**1.277**	**1.173**	**1.311**	**1.489**	**1.534**	**1.638**

Thông tim can thiệp *tăng 6,7%* so với năm 2016 (1.638/1.534)

Tỷ lệ can thiệp tim bẩm sinh *giảm* 27% (132/171) so với năm 2016. Đóng ống động mạch không được BHYT chi trả.

2.4 ĐẶT MÁY TẠO NHỊP – KHẢO SÁT ĐIỆN SINH LÝ TIM

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Đặt máy tạo nhịp tạm thời		6	13	6	11	6	10	5	4	7	12
Đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn	47	70	37	44	56	50	46	51	34	40	62
Đặt máy ICD	4	6	19	8	5	10	5	16	11	22	36
Thay dây máy tạo nhịp		2	1	2	2	3	4	5	0	1	2
Khảo sát điện sinh lý		17	41	24	32	31	26	26	15	21	36
Khảo sát cắt đốt DSL		77	83	100	151	144	134	118	106	148	77
Thay máy PM								4	8	7	1
Cắt đốt bằng mapping 3D									14	17	18
Tổng cộng	**51**	**178**	**194**	**184**	**257**	**244**	**225**	**225**	**192**	**263**	**244**

Năm 2017 *giảm* so với cùng kỳ 2016 (244/263). Kỹ thuật mới cắt đốt bằng mapping 3D thành công tốt đẹp đến nay được 49 trường hợp.

2.5 PHẪU THUẬT

PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT

	2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CF (mổ tim kín)	76	9	96	10	86	11	39	6	43	6	32	7	29	6
CO (mổ tim hở)														
I	197	22	172	18	119	15	74	11	100	16	96	20	93	18
II	169	19	213	22	145	19	123	19	100	16	60	13	74	15
III	216	24	199	21	164	21	144	22	143	22	100	21	78	15
IV	198	22	258	27	220	29	207	32	186	29	101	21	85	17
V	34	4	20	2	16	2	43	7	49	8	79	16	55	11
Đặc biệt														
MM (mạch máu)														
I					3	0,5	7	1	3	0,5	3	1	8	2
II					9	1	2	0,3	6	1	5	1	7	1
III					8	1	1	0,2	3	0,5	1			
IV					1	0,1	4	1	5	0,8	3	0	1	
PO (bắc cầu)														
PO1-2													16	3
PO3													27	5
PO4													28	5
PO5													8	2
Tổng số	**890**	**100**	**958**	**100**	**771**	**100**	**644**	**100**	**638**	**100**	**480**	**100**	**509**	**100**

PHÂN LOẠI BỆNH LÝ

	2.011		2.012		2013		2014		2015		2016		2017	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Bẩm sinh	640	72	675	70	524	68	419	66	**418**	**66**	312	65	**307**	**60**
Van tim	186	21	170	18	122	16	111	17	**105**	**16**	91	19	**94**	**18**
Bắc cầu	51	6	86	9	93	12	87	13	**89**	**14**	58	12	**79**	**16**
Khác	13	1	27	3	9	1	12	2	**8**	**1**	7	1	**13**	**3**
Mạch máu					23	3	15	2	**18**	**3**	12	3	**16**	**3**
Tổng số	**890**	**100**	**958**	**100**	**771**	**100**	**644**	**100**	**638**	**100**	**480**	**100**	**509**	**100**

Hiện nay, cả nước có 23 trung tâm có thể phẫu thuật tim, nhiều hơn nhiều so với 5 năm trước. Bệnh Viện Tim Tâm Đức là 1 trong 10 bệnh viện mổ tim nhiều nhất và là bệnh viện chuyên khoa tim ngoài công lập mổ tim nhiều nhất.

Năm 2017 dự kiến trẻ em mắc bệnh tim cần mổ ở các địa phương cũng sẽ có nhiều lựa chọn bệnh viện để được mổ. Tâm Đức đã tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và các nhà tài trợ. Tâm Đức đã đến các tỉnh Trà Vinh, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, An Giang, Phú Yên, Tiền Giang, Lâm đồng, Long an, Bến Tre, Đắc lắc khám 3550 trẻ, trong đó 296 trẻ có chỉ định phẫu thuật. Năm 2017 Tâm Đức cũng đã mổ được 319 em gồm các em có chỉ định phẫu thuật trong các đợt khám lọc và những em do các cá nhân thiện nguyện đưa đến, chiếm 63% tổng số ca phẫu thuật 2017 (319/509) (năm 2016: 66% ; 319/480), tổng số tiền tài trợ là 26.063.437.117 đồng.

Tổng số ca mổ năm 2017 cao hơn 4,8% so với năm 2016 (509/480)

Biểu đồ 04: Số ca phẫu thuật hàng tháng từ 2010 đến 2017

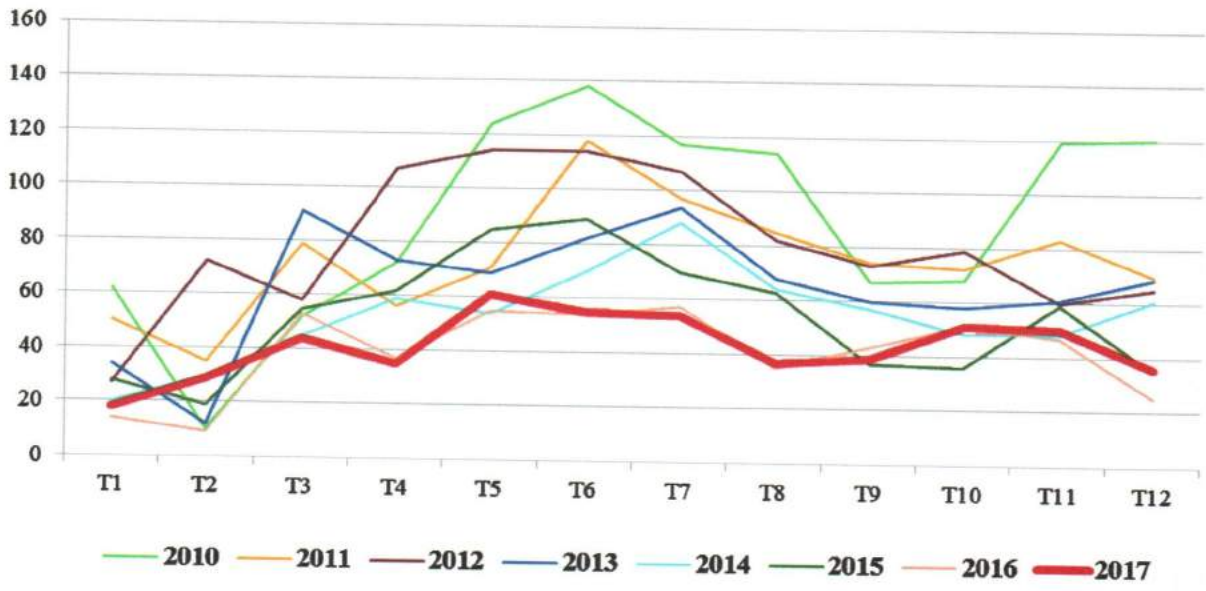

2.6. CẬN LÂM SÀNG.

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Xét nghiệm	464.958	534.419	637.537	616.010	638.181	638.295	654.898	**699.579**
X-Quang	22.120	19.765	21.396	20.103	19.392	19.405	20.211	**21.071**
ECG	18.777	20.305	22.390	23.290	26.143	26.687	26.930	**27.044**
ECG Gắng sức	4.201	4.383	4.625	4.377	4.433	4.184	4.094	**4.809**
Siêu âm tim	23.567	25.926	30.403	30.149	31.532	32.133	31.718	**30.427**
Siêu âm bụng	1.937	1.776	2.008	2.350	2.812	3.816	4.713	**6.057**
Siêu âm tim thai	52	243	1.367	304	233	264	239	**276**
Siêu âm mạch máu	5.252	5.576	6.975	7.163	7.014	8.120	9.095	**9.600**
Siêu âm Dobutamine	1.802	1.809	2.081	2.195	2.130	1.975	1.815	**1.774**
Siêu âm thực quản	379	353	320	216	211	253	237	**237**
Holter ECG	1.697	1.644	1.768	1.710	1.459	1.927	2.053	**2.259**
Holter HA	589	591	578	529	528	400	337	**524**
Đo nhãn áp	1.710	1.839	2.066	2.183	2.086	1.957	1.814	**1.671**
KT máy tạo nhịp	273	278	363	426	487	520	527	**581**
Tilt test	175	183	163	143	137	129	143	**112**
Đo INR	1.116	817	1.930	2.217	2.179	1.638	1.429	**1.397**
Chích ngừa	376	216	219	273	239	162	187	**-**
Chụp võng mạc	1.976	2.142	2.403	2.287	2.075	1.850	1.674	**1.195**
Kích thích nhĩ	294	285	296	237	208	158	148	**124**
PAP's	486	425	404	415	439	582	566	**504**
Siêu âm tuyến vú	215	145	123	153	160	387	492	**421**
Siêu âm tuyến giáp	207	193	192	181	162	692	1.407	**1.033**
Chích ngừa K-CTC	39	40	23	3	-	-	-	**-**
Đo phế dung ký		118	104	124	220	79	67	**26**
Đo vận tốc sóng mạch		1.898	2.160	2.324	2.183	2.442	2.240	**1.563**
Siêu âm phần mềm						4	13	**13**
Nội soi tai mũi họng						119	362	**357**
Nội soi cổ tử cung							5	**-**
Chụp CT							1.085	**2.867**
Vaxigrip								**11**
Tổng cộng	**552.198**	**625.369**	**741.894**	**719.362**	**744.643**	**748.055**	**768.499**	**815.532**

Hoạt động cận lâm sàng năm 2017 *tăng 6,1 %* so với năm 2016 (815.532/768.499).

2.7 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TÂM ĐỨC (81-83 THÀNH THÁI , QUẬN 10)

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Khám bệnh	**27.270**	**27.717**	**23.719**	**26.058**	**25.656**	**24.885**	**24.269**	**24.390**
Khám tim	20.712	20.736	17.347	17623	17963	15.902	14.706	**14.258**
Tai Mũi Họng	2.717	2.620	2.670	2804	2561	3.014	3.535	**3.829**
Răng Hàm Mặt	3.841	4.361	3.702	5631	5132	5.969	6.028	**6.303**
Cận lâm sàng								
ECG gắng sức	2.357	2.882	2.487	2492	2495	2.303	2.118	**2.082**
Điện tâm đồ	9.917	9.566	8.004	7503	7181	6.894	6.263	**6.083**
Holter ECG	605	738	713	540	383	393	323	**250**
Holter HA	193	173	163	136	90	144	87	**102**
Siêu âm bụng	2.274	2.431	1.760	1364	1563	1.509	1.176	**960**
Siêu âm mạch máu	2.053	3.683	2.883	3069	3440	4.015	3.691	**3.427**
Siêu âm tim	9.683	9.708	8.097	7777	7426	7.157	6.569	**6.314**
Siêu âm tuyến vú				4	4	4	0	**4**
Siêu âm tuyến giáp				72	89	124	179	**94**
X-quang	6.301	6.467	4.708	4546	3706	3.047	2.725	**2.653**
Xét nghiệm: SH-HH	10.829	10.895	9.374	9504	9760	8.893	8.355	**8.231**
Đo nhãn áp					136	85	95	**67**
INR	1.051	1.004	961	938	1083	882	762	**577**

Năm 2015, theo qui định mới của BHXH, Phòng khám Đa khoa Tâm Đức không được thanh toán BHYT trái tuyến nên không có bệnh nhân BHYT đến khám. Việc này không ảnh hưởng quan trọng trên tổng số bệnh đến phòng khám.

Tổng số khám năm 2017 *tương đương* (24.390/24.269) so với năm 2016.

Phòng Khám đa khoa Tâm Đức 81-83 Thành Thái , Quận 10

Phòng Khám đa khoa Phúc Đức 04 Nguyễn Lương Bằng , Quận 7

3. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

3.1 Kế hoạch 2017:

Tổng doanh thu : *480 tỷ đồng.*
Lợi nhuận trước thuế : *65 tỷ đồng.*
Lợi nhuận sau thuế : *58 tỷ đồng.*
Cổ tức : *30%/mệnh giá.*

3.2 Kết quả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2017	So sánh (+/-)	So sánh %
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	**01**	**479.529.407.685**	**542.999.498.294**	**63.470.090.609**	13%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ [10=(01-02)]	**10**	**479.529.407.685**	**542.999.498.294**	**63.470.090.609**	13%
4. Giá vốn hàng bán	11	367.283.983.398	417.687.315.009	50.403.331.611	14%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ [20=(10-11)]	**20**	**112.245.424.287**	**125.312.183.285**	**13.066.758.998**	12%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	425.026.949	1.269.916.313	844.889.364	
7. Chi phí tài chính	22	1.027.736	-	(1.027.736)	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-	
8. Chi phí bán hàng	24	11.726.860.982	12.496.913.265	770.052.283	7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	38.056.663.281	43.564.962.504	5.508.299.223	14%
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22-24-25)]	**30**	**62.885.899.237**	**70.520.223.829**	**7.634.324.592**	12%
11. Thu nhập khác	31	1.701.098.407	1.310.571.437	(390.526.970)	-23%
12. Chi phí khác	32	570.365.682	694.457.540	124.091.858	22%
13. Lợi nhuận khác [40 = (31 - 32)]	**40**	**1.130.732.725**	**616.113.897**	**(514.618.828)**	-46%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50=(30+40)]	**50**	**64.016.631.962**	**71.136.337.726**	**7.119.705.764**	11%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	7.212.263.161	8.103.921.268	891.658.107	12%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp [60 = (50 - 51)]	**60**	**56.804.368.801**	**63.032.416.458**	**6.228.047.657**	11%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	70	**3.425**	**3.804**	**379**	11%
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	**71**	**3.425**	**3.804**	**379**	11%

Tổng Doanh thu **545.579.986.044đ** *(Mã số 10+21+31) tăng 13,27% so với năm 2016.*

Tổng chi phí **474.443.648.318đ** *(Mã số 11 + 22 + 24 + 25 + 32) tăng 13,6% so với năm 2016.* Giá vốn hàng bán là 417.687.315.009đ (*Mã số 11: bao gồm chi phí thuốc, vật tư y tế, lương bác sỹ, điều dưỡng...*) là chi phí trực tiếp, là phần quan trọng nhất chiếm tỷ trọng 88,04% trong tổng chi phí.

Tỷ lệ lợi nhuận / Tổng doanh thu của năm 2017 là 13,04% tương đương năm 2016 là 13,29%.

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 vượt mức kế hoạch năm 2017 (71 tỷ/ 65 tỷ: 11%).

3.3 Cân đối kế toán *Tài sản & Vốn*

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	31.12.2016	31.12.2017	(%)
A. Tài sản ngắn hạn	**70.311.665.524**	**108.545.072.415**	54%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**20.096.234.487**	**53.433.152.018**	166%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**17.292.278.122**	**17.161.667.607**	-1%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.809.922.036	9.812.047.596	69%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	530.849.952	2.476.917.011	
6. Phải thu ngắn hạn khác	11.218.650.199	5.401.113.328	-52%
IV. Hàng tồn kho	**31.185.748.723**	**36.280.342.372**	16%
V. Tài sản ngắn hạn khác	**1.737.404.192**	**1.669.910.418**	-4%
B. Tài sản dài hạn	**185.557.869.854**	**174.753.837.648**	-6%
II. Tài sản cố định	**176.826.052.819**	**164.729.410.914**	-7%
1. Tài sản cố định hữu hình	170.360.445.200	158.502.310.735	-7%
- Nguyên giá	290.734.237.396	295.134.431.867	2%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(120.373.792.196)	(136.632.121.132)	14%
2. Tài sản cố định thuê tài chính			
- Nguyên giá			
- Giá trị hao mòn lũy kế			
3. Tài sản cố định vô hình	6.465.607.619	6.227.100.179	-4%
- Nguyên giá	8.553.752.472	8.553.752.472	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.088.144.853)	(2.326.652.293)	11%
VI. Tài sản dài hạn khác	**8.365.380.135**	**9.757.989.834**	17%
Tổng Tài sản (A+B)	**255.869.535.378**	**283.298.910.063**	**11%**

NGUỒN VỐN	31.12.2016	31.12.2017	
C. Nợ phải trả	**61.185.213.766**	**62.788.369.241**	3%
I. Nợ ngắn hạn	**61.042.840.622**	**62.734.498.923**	3%
II. Nợ dài hạn	**142.373.144**	**53.870.318**	-62%
D. Vốn chủ sở hữu	**194.684.321.612**	**220.510.540.822**	13%
I. Vốn chủ sở hữu	**194.684.321.612**	**220.510.540.822**	13%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.407.488.000	1.407.488.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	599.638.910	604.942.829	1%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.553.726.965	46.374.642.256	
Tổng Nguồn vốn (C+D)	**255.869.535.378**	**283.298.910.063**	**11%**

Tồn quỹ	31.12.2016	31.12.2017
Tiền mặt tại quỹ	1.529.785.078	1.533.075.747
Tiền tại Ngân hàng	18.566.449.409	51.900.076.271
Tổng cộng	**20.096.234.487**	**53.433.152.018**

Tiền và các khoản tương đương tiền tăng là do cổ tức đợt 2/2017 chi vào tháng 01/2018. Năm 2017 *phải thu ngắn hạn của khách hàng* tăng là do người bệnh chưa kịp thanh toán. Trong khi đó *Phải thu ngắn hạn khác* giảm (52%) chủ yếu là do khoản thu Bảo hiểm y tế được thanh toán kịp thời hơn cho Tâm Đức. *Trả trước cho người bán ngắn hạn* tăng là do khoản chi phí trả trước hợp đồng mua thiết bị tin học và một số hợp đồng mua thiết bị, dụng cụ y khoa mới (Hệ thống nội soi tiêu hóa, máy giúp thở, xe đẩy dụng cụ tiêm chính cao cấp…). *Tài sản dài hạn* giảm chủ yếu là do khấu hao tăng.

Về Tồn kho, theo quy định của Bệnh viện, phù hợp với 1 Bệnh viện chuyên khoa kỹ thuật cao, sử dụng hầu hết y dụng cụ ngoại nhập như Tâm Đức, tồn kho phải đảm bảo 2 tháng sử dụng. Hoạt động bệnh viện năm 2017 tăng, đặc biệt nhà thuốc và thông tim can thiệp nên mức tồn kho cao hơn nhưng giá trị tồn kho vẫn đảm bảo ở mức an toàn dưới 2 tháng sử dụng (1 tháng sử dụng ít nhất 20 tỷ, tồn kho 36 tỷ)

Về Đầu tư tài sản, giá trị khấu hao từ ngày bắt đầu hoạt động 08.03.2006 đến 31.12.2017 là 146 tỷ. (Theo quy định những *tài sản đã thanh lý và những tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo quy định năm 2013 sẽ ghi giảm khấu hao tương ứng, do đó số liệu khấu hao đến 31.12.2017 trên bảng Cân đối kế toán là 139 tỷ).* Hiện Tâm Đức vẫn còn có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị là 4,14 tỷ.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Từ 2006 đến 2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng cộng
Giá trị khấu hao	52.065	14.753	14.464	14.750	15.701	16.572	17.709	**146.014**

Tâm Đức đã đầu tư mua sắm tài sản cố định và công cụ dụng cụ qua các năm là 156 tỷ.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 2006 đến 2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng cộng
1	Tài sản cố định	53.639	7.554	1.261	22.450	4.019	22.541	5.911	**117.375**
2	Công cụ dụng cụ	20.327	1.698	1.174	2.466	3.652	3.255	6.020	**38.592**
	Tổng cộng	**73.966**	**9.252**	**2.435**	**24.916**	**7.671**	**25.796**	**11.931**	**155.967**

Năm 2016, Tâm Đức đã mua máy chụp X-quang cắt lớp MSCT vi tính CT 64 lát cắt Phillips Ingenuinty Core của Phillips, trị giá 18,5 tỷ thanh toán theo hình thức trả chậm (HĐQT V.10 ngày 05.01.2016). Máy đã bắt đầu hoạt động vào cuối tháng 06.2016 và Tâm Đức cũng đã tất toán khoản nợ này. Năm 2017 Tâm Đức đầu tư thêm một số máy móc thiết bị: Máy bơm bóng đối xung động mạch chủ, Hệ thống trao đổi nhiệt, Máy đo loãng xương, Xe ô tô Toyota Fortuner…

3.4 Sức khỏe tài chính

STT	CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	**Cơ cấu tài sản (%)**						
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	23,9%	28,0%	25,6%	25,5%	27,5%	38,3%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	76,1%	72,0%	74,4%	74,5%	72,5%	61,7%
2	**Cơ cấu nguồn vốn (%)**						
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	31,8%	21,2%	18,8%	20,1%	23,9%	22,2%
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	46,7%	26,9%	23,1%	25,1%	31,4%	28,5%
3	**Khả năng thanh toán (lần)**						
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,6	1,1	0,9	0,6	0,6	1,2
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,0	1,8	1,6	1,3	1,2	1,7
4	**Tỷ suất lợi nhuận (%)**						
	- Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	13,8%	14,2%	13,8%	13,5%	13,3%	13,0%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	31,6%	33,2%	33,8%	34,4%	36,5%	40,5%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu thể hiện sức khỏe tài chính của Tâm Đức vẫn tốt và ổn định qua nhiều năm liên tiếp.

Biểu đồ tăng trưởng một số chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị: Triệu đồng

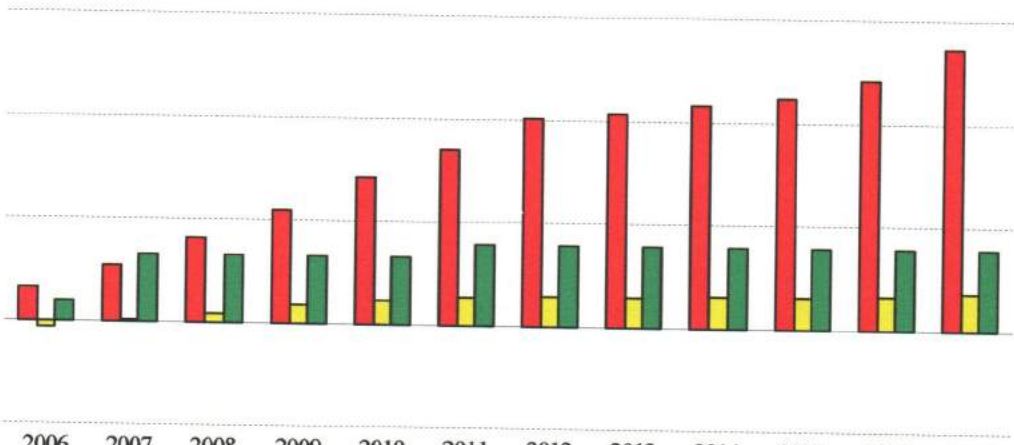

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng Doanh thu	64.026	109.954	163.423	217.341	284.177	339.491	402.358	411.114	429.625	446.030	481.656	545.579
Lợi nhuận trước thuế	(11.421)	2.337	16.830	36.002	44.547	53.326	55.407	58.396	59.308	60.371	64.016	71.136
Vốn điều lệ	39.600	129.600	129.600	129.600	129.600	155.520	155.520	155.520	155.520	155.520	155.520	155.520

3.5 Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Đơn vị : đồng

	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Thuế VAT	0	4.089.835	470.672.644	284.855.368	752.674.424	636.128.662
Thuế TNDN	6.158.831.835	6.373.481.756	7.113.876.234	7.069.891.694	7.029.381.414	8.499.512.277
Thuế TNCN	4.196.499.276	4.367.334.199	3.847.425.485	5.957.240.521	6.170.471.131	7.712.391.940
Tổng cộng đã nộp vào NSNN	**10.355.331.111**	**10.744.905.790**	**11.431.974.363**	**13.311.987.583**	**13.952.526.969**	**16.848.032.879**

Tâm Đức thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Bộ Tài chính đã kiểm tra việc kê khai miễn giảm thuế TNDN năm 2010. Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, thuế TNDN từ 2002 đến 2006; Thanh tra thuế GTGT, thuế TNDN 2007, 2008, 2009; Kiểm tra thuế GTGT-TNDN 2011-2012 vào ngày 03.04.2017. Năm 2010 cũng đã được Cục thuế Thành phố kiểm tra lại vào cuối năm 2013 kết quả tốt. Năm 2013, 2014, 2015, 2016 Tâm Đức đã được nhận bằng khen của Bộ tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế Tp.HCM về việc chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế.

3.6 Cổ phiếu, cổ tức

Vốn điều lệ 155,520 tỷ đồng, số cổ phiếu đang lưu hành là 15.552.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng.

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức và quản lý Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23.01.2017. Ngày 06.02.2017 là ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu là 36.000đ/CP.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2010 là 41.947.767.302 đồng. Mức cổ tức chi trả là 25%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 là 47.391.718.003 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012 là 49.122.543.317 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013 là 51.662.557.368 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 là 52.530.012.803 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 là 53.483.207.623 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 là 56.804.368.801 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 là 63.032.416.458 đồng. Mức cổ tức 2017 dự kiến chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 29.04.2017 là 30%/mệnh giá. HĐQT trình ĐHCĐ 28.04.2018 điều chỉnh lên 33%/mệnh giá thay vì 30%. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2017, cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 19.01.2018. Mức cổ tức còn lại dự kiến là 13%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông 28.04.2018.

4. QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

1. Bảo Hiểm Y Tế

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Bệnh nhân BHYT	44.708	54.537	56.801	12.754	16.314	18.589
Trong đó						
- Ngoại trú	41.393	51.374	53.729	9.784	12.799	14.706
- Nội trú	3.315	3.163	3.072	2.970	3.515	3.883
Số tiền thanh toán (triệu đồng)	**56.832**	**59.596**	**56.577**	**46.198**	**61.032**	**70.104**

Số lượt bệnh nhân BHYT chung tăng 14% so với năm 2016 (18.589/16.314)
Số tiền thanh toán BHYT tăng 15% (70.104/61.032), do số bệnh nhân tăng và giá thanh toán tăng, từ 01.3.2016, áp dụng Thông Tư 37, tăng đáng kể giá thanh toán BHYT cho người bệnh.

Tỉ lệ người bệnh ngoại trú có BHYT đạt 15% (14.706/98.628), thấp hơn nhiều so với trước 01.01.2015 (hơn 50%) do từ 01.01.2015 SYT-BHXH qui định bệnh viện Tim Tâm Đức là BV Tư nhân, không được phép nhận BN BHYT trái tuyến.
Tỉ lệ người bệnh nội trú có BHYT là 71% (3.883/5.485), cao hơn năm 2016 (65%)
Năm 2017, nhờ phối hợp chặt chẽ với BHYT và chủ động tích cực của Tâm Đức về nhân sự nên vấn đề xuất toán của BHYT đã được giải quyết ổn định, không có xuất toán đáng kể.

2. Quản lý chất lượng bệnh viện:

Đầu năm 2017, Tâm Đức triển khai kế hoạch kiểm tra và cải tiến chất lượng và áp dụng 83 tiêu chí chất lượng bệnh viện.
Giám sát việc thực hiện các tiêu chí chất lượng bệnh viện nhằm đảm bảo toàn bệnh viện thực hiện tốt kế hoạch cải tiến chất lượng, tuân thủ quy chế chuyên môn, phác đồ điều trị để nâng cao chất lượng điều trị và sự hài lòng của người bệnh.
Ngày 29.11.2017, Sở Y tế đã kiểm tra chất lượng bệnh viện tại Tâm Đức. Kết quả đạt mức 4.07 trên 5. Sở Y tế đã biểu dương kết quả và những sáng kiến của Tâm Đức nhất là về cấp cứu kịp thời.
Ngày 02.02.2018, Tâm Đức là đã được Uỷ Ban Nhân Dân Tp. HCM tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và chất lượng phục vụ người bệnh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tâm Đức là 1 trong 11 bệnh viện thành phố và là một trong 3 bệnh viện ngoài công lập có điểm quản lý chất lượng bệnh viện cao nhất.
Tâm Đức đã triển khai kế hoạch 2018 để tiếp tục đạt mức trên 4 điểm so với mức điểm 5.

3. Công nghệ thông tin:

Bệnh viện đã ký hợp đồng với FPT nâng cấp phần mềm E-hospital của bệnh viện. Phần mềm mới chính thức áp dụng từ 1 tháng 10. Đến nay, về cơ bản, phần mềm hoạt động đáp ứng được yêu cầu của bệnh viện, đang tiếp tục giai đoạn 2 để hoàn thiện.

4. An toàn cơ quan & Phòng cháy chữa cháy

An toàn cơ quan & Phòng cháy chữa cháy năm 2017 tốt.

Tâm Đức tiếp tục ký hợp đồng bảo trì định kỳ về Phòng cháy chữa cháy với cơ quan PCCC 4.10 thuộc Sở PCCC thành phố, đội PCCC Tâm Đức có kế hoạch tự kiểm tra PCCC hàng tháng theo check list và thực hiện kế hoạch PCCC đúng qui định, Năm 2017 có *04 đợt kiểm tra,* kết quả đạt yêu cầu. Hệ thống oxy đảm bảo an toàn.

Tâm Đức đã tổ chức huấn luyện PCCC cho toàn thể nhân viên và diễn tập thực hành PCCC định kỳ hàng năm theo qui định vào đầu tháng 12.

5. Tiết kiệm điện và bảo trì, sữa chữa các máy móc thiết bị lớn:

Các máy móc kỹ thuật lớn của Tâm Đức bao gồm: hệ thống máy lạnh trung tâm; hệ thống khí y tế, máy phát điện dự phòng, thang máy và các thiết bị y khoa quan trọng được ký hợp đồng bảo trì với chính hãng và được bảo trì thường xuyên bởi lực lượng kỹ sư của Tâm Đức, kịp thời sữa chữa và thay thế các bộ phận bị hỏng, đảm bảo vận hành tốt.

Năm 2017, không có hư hỏng quan trọng hay sữa chữa lớn đối với các máy móc thiết bị. Tâm Đức đã thay thế dàn lạnh số 1 và 2 block máy của dàn lạnh số 1 của chiller 2 của Hệ thống lạnh trung tâm CIAT, hiện đang hoạt động bình thường

Chi phí sử dụng điện rất cao, tiết kiệm điện để giảm chi phí luôn là mối quan tâm lớn của Tâm Đức.

Tháng 3.2017, đã lắp thêm timer cho hệ thống đèn các khu vực công cộng, các hành lang thông giữa 2 khu. Đến tháng 06.2017, đã thay được 34 máy lạnh inverter 1,5HP cho các phòng bệnh Khoa Ngoại, Khoa Bệnh lý mạch máu và Khoa Nội tim mạch 2, thay 5 máy lạnh cũ ở nhà hàng bằng 4 máy lạnh cassette inverter.

Năm 2017, điện năng tiêu thụ *tăng nhẹ* (4,1%) so với năm 2016 do thêm trang bị mới và hoạt động tăng.

6. Thiết bị mới:

Năm 2017, Tâm Đức đã trang bị mới những thiết bị quan trọng như bơm đối xung động mạch chủ của Mỹ, máy lọc máu liên tục của Đức, máy đo loãng xương của Pháp, máy giúp thở Servo-I của Thuỵ Điển, máy nội soi tiêu hoá của Mỹ, máy chụp võng mạc của Nhật.

Tâm Đức có 2 hệ thống chụp và can thiệp mạch vành : 1 được trang bị từ đợt 1 năm 2006, 1 được trang bị đợt 2 năm 2013 vẫn đang hoạt động ổn định. Tuy nhiên, máy trang bị năm 2006 đã hết giá trị khấu hao và 2013 đã hơn 5 năm, do vậy, để an toàn và vì thông tim can thiệp là một hoạt động rất quan trọng về kỹ thuật và an toàn tài chính nên *Tâm Đức sẽ trình ĐHCĐ ngày 28.04.2018 đầu tư máy chụp và can thiệp mạch vành thứ 3 DSA 1 bình diện có giá từ 19-20 tỷ có cấu hình phù hợp với yêu cầu chuyên môn, phương thức do Hội Đồng Quản Trị quyết định.*

Phòng Khám hiện nay có 6 máy siêu âm đang sử dụng, trong đó 2 máy trang bị từ năm 2006 và 2008 thường báo lỗi, đã sửa nhiều lần, độ phân giải kém. *Tâm Đức sẽ mua thêm 2 máy siêu âm mới cho phòng khám.*

Máy CEC của phòng mổ trang bị từ đầu hoạt động đã hơn 12 năm, đã hết giá trị khấu hao, *cần thay mới 1 máy trong năm 2018.*

Tâm Đức có 2 máy X-Quang, 1 máy kỹ thuật số và 1 máy thường, hiện nay, theo khuyến cáo cần sử dụng kỹ thuật số chất lượng và an toàn cao hơn, do vậy, *cần thay mới máy X-Quang kỹ thuật số cho phòng khám, cũng cần thay mới X-Quang kỹ thuật số di động*. Các máy này đều đã hết giá trị khấu hao đã lâu.

7. Mở rộng Khoa Khám bệnh Bệnh Viện Tim Tâm Đức:

Khu điều trị bệnh nhân ngoại trú đã tăng cao nên Tâm Đức mở rộng Khoa Khám Bệnh sử dụng thêm lầu 3 cho chẩn đoán cận lâm sàng như siêu âm, điện tim gắng sức, ECG, đo vận tốc sóng mạch, Holter ECG để giảm bớt áp lực ở Khoa Khám Bệnh phía trước, tăng sự thoải mái và hài lòng của người bệnh.

8. Đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Tâm Đức xác định công tác Đào tạo và nghiên cứu Khoa học là chức năng trọng yếu, đáp ứng yêu cầu tồn tại và phát triển của bệnh viện, xứng tầm một Bệnh viện chuyên khoa kỹ thuật cao.

Bệnh viện đã đào tạo liên tục và đào tạo bổ sung nâng cao trình độ CBNV đáp ứng yêu cầu; hình thức đào tạo đa dạng: đào tạo tại bệnh viện- đào tạo trong nước, ngoài nước; đào tạo ngắn hạn-dài hạn; đào tạo tại chức-chính quy; kinh phí: Bệnh viện hỗ trợ một phần.

Có qui chế đào tạo tại chỗ áp dụng cho tất cả nhân viên mới được tuyển dụng, đào tạo bổ sung sau đại học trong nước, tu nghiệp nước ngoài. Ngoài ra, khuyến khích và tạo điều kiện để CBNV nâng cao trình độ ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu giao tiếp, báo cáo khoa học.

Năm 2017, thực hiện 10 đề tài cấp Bộ (nghiên cứu đa trung tâm về thuốc) và 09 đề tài cấp cơ sở. Ngoài ra, bệnh viện tiếp nhận thực hiện 6 luận văn sau đại học của các bác sĩ bệnh viện bạn đến học tập tại Tâm Đức.

Bệnh viện kết hợp ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch mở khóa học "Điện tâm đồ - Chẩn đoán và điều trị loạn nhịp tim từ cơ bản đến nâng cao" cho 62 bác sĩ của nhiều bệnh viện bạn tham dự. Bệnh viện tiếp nhận 4 bác sĩ và 3 điều dưỡng Campuchia học về gây mê hồi sức, điện sinh lý tim, siêu âm mạch máu, 02 sinh viên Pháp học tập về tim mạch 01 tháng;, tiếp nhận 14 CKI Nội tim mạch & 13 BS CKII, 21 BS CKI Nội tổng quát, 7 bác sĩ cao học & 8 BS nội trú của ĐHYK Phạm Ngọc Thạch học về tim mạch. Bệnh viện tiếp nhận 59 sinh viên Đại học Tân tạo thực hành lâm sàng.

Ngày 09-10.10.2017, Bệnh viện đã tổ chức thành công Hội nghị Tim Mạch Quốc tế lần VI với hơn 500 đồng nghiệp trong nước và 30 đồng nghiệp nước ngoài thuộc 07 quốc gia tham dự.

9. Giao dịch chứng khoán Tâm Đức trên hệ thống giao dịch Upcom:

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định của nhà nước.

Nghị quyết số V.12/NQ-HĐQT ngày 23.06.2016 của Hội Đồng Quản Trị quyết định ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt tư vấn những thủ tục cần thiết để Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt đã được chọn là Công ty tư vấn cho Tâm Đức thực hiện các thủ tục cần thiết để lên sàn Upcom

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu. Tâm Đức đã gửi cho các cổ đông thư hướng dẫn thủ tục giao dịch trên sàn upcom ngày 23.01.2017. Hiện nay, giá cổ phiếu của Tâm Đức trên sàn upcom giao động 50.000-60.000 một cổ phiếu nhưng hầu như rất ít giao dịch. Khối lượng cổ phiếu giao dịch ở mức 6% tổng số cổ phiếu trong đó có sự chuyển dịch cho người trong gia đình.

III ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC 2018

Về nhân sự: *Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 12 năm, hiện nay chỉ tuyển dụng nhân sự mới thay thế nghỉ việc hoặc để phát triển kỹ thuật mới.*

Về chuyên môn: *Các chỉ tiêu về khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tăng 5% so với 2017. Phẫu thuật tim phải đạt trên 500, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 1.800.*

Về tài chính:

Tổng doanh thu	*550 tỷ đồng*
Lợi nhuận trước thuế	*72 tỷ đồng*
Lợi nhuận sau thuế	*64 tỷ đồng*
Cổ tức	*33%/mệnh giá*

Đại Hội Cổ Đông 2018:

Đại Hội Cổ Đông 2018 sẽ được tổ chức vào ngày 28.04.2018 lúc 8 giờ tại Hội trường Hữu nghị Bệnh Viện Tim Tâm Đức

Ngày đăng ký cuối cùng: 09.04.2018

Ngày gửi thông báo triệu tập Đại Hội Cổ Đông và tài liệu họp: 14.04.2018

Nội dung trình Đại Hội Cổ Đông 2018 thông qua:

1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động 2017 và Báo cáo tài chính niên độ 2017 đã kiểm toán
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2017
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017. Mức chi trả cổ tức 2017 là 33%
4. Thông qua Kế hoạch trích quỹ 2018
5. Thông qua đề xuất Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2018
6. Thông qua Kế hoạch Tâm Đức 2018
7. Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức 2018
8. Thông qua Sửa đổi Điều lệ theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22.09.2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06.06.2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, trên cơ sở tư vấn của Luật sư Nguyễn Văn Trung, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố, Luật sư cố vấn pháp luật của Tâm Đức.
9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22.09.2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06.06.2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
10. Thông qua kế hoạch trang bị máy chụp và can thiệp mạch vành thứ 3: *đầu tư máy chụp và can thiệp mạch vành thứ 3 DSA 1 bình diện có giá từ 19-20 tỷ có cấu hình phù hợp với yêu cầu chuyên môn, phương thức do Hội Đồng Quản Trị quyết định.*

IV KẾT LUẬN:

Sau 12 năm hoạt động Tâm Đức đang là một bệnh viện chuyên khoa tim mạch kỹ thuật cao có chất lượng, được cộng đồng tin tưởng và người bệnh hài lòng, với sự phát triển kỹ thuật và sự đồng thuận, Tâm Đức sẽ còn phát triển cao hơn nữa.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0302... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

TS. BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2017
ĐÃ KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

MỤC LỤC

----- oOo -----

		Trang
1.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6.	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-32

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng Quản trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc; Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở).

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD

Trụ sở chính: Số 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ts.Bs.	Nguyễn Ngọc Chiếu	Chủ tịch hội đồng quản trị
PGs.Ts.Bs.	Phạm Nguyễn Vinh	Thành viên
Ths.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Thành viên
Ths.	Phạm Anh Dũng	Thành viên
Ths.	Đỗ Kim Thúy	Thành viên

Ban Kiểm soát

CN.	Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà	Bùi Thúy Kiều	Thành viên
Bs.	Nguyễn Nhị Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bs.	Phạm Thị Lê	Tổng Giám Đốc - Đến ngày 09 tháng 3 năm 2017
Ths.	Đỗ Kim Thúy	Tổng Giám Đốc - Từ ngày 10 tháng 3 năm 2017
Ts.Bs.	Tôn Thất Minh	Giám Đốc Bệnh viện
PGs.Ts.Bs.	Phạm Nguyễn Vinh	Giám Đốc chuyên môn
Ths.Bs.	Phan Kim Phương	Giám Đốc chuyên môn
Ths.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Giám Đốc Ngoại khoa
Bs.	Phạm Bích Xuân	Giám đốc Đối ngoại kiêm Giám đốc PKĐK Phúc Đức
Bs.	Đinh Đức Huy	Phó Giám Đốc phụ trách Thông tim can thiệp
PGs.Ts.Bs.	Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám đốc phụ trách nội tiết và chuyển hóa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Bs.	Ngô Phương Thúy	Giám Đốc Phòng khám đa khoa Tâm Đức
Bs.	Bùi Minh Đông	Phó Giám Đốc Kế hoạch Tổng hợp và Bảo hiểm y tế
CN.	Trương Thị Mai Lan	Phó Giám Đốc hành chánh quản trị
CN.	Phan Thị Thanh Nga	Phó Giám Đốc Tài chính
CN.	Võ Thiện Tân	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Ts.Bs.	Nguyễn Ngọc Chiếu	Chủ tịch hội đồng quản trị

Ts. Bs. Nguyễn Ngọc Chiếu đã ủy quyền cho Ths. Đỗ Kim Thúy ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 03 năm 2017.

4. **Các thông tin khác:** Không có.

5. **Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. **Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. **Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiếu
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

INPACT ASIA PACIFIC

Số: A0617254-R/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dương Thị Phương Anh
Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Nguyễn Thị Phương Thùy
Số GCNĐKHNKT: 1871-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**108.545.072.415**	**70.311.665.524**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**53.433.152.018**	**20.096.234.487**
1. Tiền	111		10.627.403.795	13.398.594.624
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.805.748.223	6.697.639.863
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**17.161.667.607**	**17.292.278.122**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.812.047.596	5.809.922.036
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.476.917.011	530.849.952
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	5.401.113.328	11.218.650.199
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2a	(528.410.328)	(267.144.065)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.5**	**36.280.342.372**	**31.185.748.723**
1. Hàng tồn kho	141		36.280.342.372	31.185.748.723
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.669.910.418**	**1.737.404.192**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.634.272.791	1.692.045.462
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11b	35.637.627	45.358.730
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**174.753.837.648**	**185.557.869.854**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**266.436.900**	**366.436.900**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	266.436.900	366.436.900
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**164.729.410.914**	**176.826.052.819**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	158.502.310.735	170.360.445.200
- Nguyên giá	*222*		*295.134.431.867*	*290.734.237.396*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(136.632.121.132)*	*(120.373.792.196)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	6.227.100.179	6.465.607.619
- Nguyên giá	*228*		*8.553.752.472*	*8.553.752.472*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(2.326.652.293)*	*(2.088.144.853)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**9.757.989.834**	**8.365.380.135**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	9.757.989.834	8.365.380.135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**283.298.910.063**	**255.869.535.378**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**62.788.369.241**	**61.185.213.766**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**62.734.498.923**	**61.042.840.622**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	43.503.431.025	46.426.970.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	4.936.035.103	2.212.294.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	1.436.898.630	2.435.386.597
4. Phải trả người lao động	314		8.862.089.677	6.491.066.260
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.490.438.329	1.170.023.615
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	2.054.575.244	1.582.468.138
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		451.030.915	724.630.915
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**53.870.318**	**142.373.144**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	-	100.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		53.870.318	42.373.144

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**220.510.540.822**	**194.684.321.612**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.14**	**220.510.540.822**	**194.684.321.612**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.407.488.000	1.407.488.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.603.467.737	16.603.467.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		604.942.829	599.638.910
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.374.642.256	20.553.726.965
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.183.200.965	645.420.031
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.191.441.291	19.908.306.934
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**-**	**-**
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**283.298.910.063**	**255.869.535.378**

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU - PHÓ GĐTC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Thanh Nga	Võ Thiện Tân	Ths. Đỗ Kim Thúy

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	542.999.498.294	479.529.407.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	542.999.498.294	479.529.407.685
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	417.687.315.009	367.283.983.398
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**125.312.183.285**	**112.245.424.287**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.269.916.313	425.026.949
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	1.027.736
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.496.913.265	11.726.860.982
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	43.564.962.504	38.056.663.281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**70.520.223.829**	**62.885.899.237**
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.310.571.437	1.701.098.407
12. Chi phí khác	32	VI.8	694.457.540	570.365.682
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**616.113.897**	**1.130.732.725**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**71.136.337.726**	**64.016.631.962**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	8.103.921.268	7.212.263.161
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**63.032.416.458**	**56.804.368.801**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.11**	**3.804**	**3.425**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.12**	**3.804**	**3.425**

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU - PHÓ GĐTC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Thanh Nga	Võ Thiện Tân	Ths. Đỗ Kim Thúy

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**71.136.337.726**	**64.016.631.962**
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6-7	17.708.501.556	16.751.587.943
- Các khoản dự phòng	03		261.266.263	40.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(70.700.560)	1.027.736
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(903.390.998)	(743.420.265)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**88.132.013.987**	**80.065.827.376**
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		193.002.154	(1.119.098.889)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(5.094.593.649)	(1.260.614.201)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		1.907.315.589	13.179.767.318
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.334.837.028)	(1.590.617.089)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.499.512.277)	(7.029.381.414)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		416.543.193	12.947.079
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.728.257.545)	(4.949.203.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**70.991.674.424**	**77.309.626.325**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.910.784.406)	(22.541.025.797)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.100.000	323.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.199.215.753	420.238.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(4.708.468.653)**	**(21.797.605.532)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.016.988.800)	(49.496.778.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(33.016.988.800)**	**(49.496.778.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	**50**		**33.266.216.971**	**6.015.242.793**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**20.096.234.487**	**14.082.019.430**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		70.700.560	(1.027.736)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**53.433.152.018**	**20.096.234.487**

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU - PHÓ GĐTC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Thanh Nga	Võ Thiện Tân	Ths. Đỗ Kim Thúy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Niêm yết đăng ký giao dịch (UPCOM): Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: TTD

Trụ sở chính: Số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn:

Hình thức sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức là vốn cổ phần.

3. Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc; Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 568 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 566 nhân viên).

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Phòng khám đa khoa Tâm Đức. Địa chỉ: 81-83 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM
- Phòng khám đa khoa Phúc Đức. Địa chỉ: 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.
Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.665 VND/USD; 27.110,05 VND/EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước (FIFO)

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình mua được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế

Trường hợp mua TSCĐ được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý. Nguyên giá TSCĐ được mua là tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế.

Tài sản cố định hữu hình mua theo phương thức trả chậm

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm: Là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại). Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	*30 năm*
Máy móc, thiết bị	*12 năm*
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	*6 năm*
Thiết bị, dụng cụ quản lý	*5 năm*
Quyền sử dụng đất (bắt đầu khấu hao từ năm 2011) (*)	*42 năm*
Phần mềm máy tính	*2-10 năm*

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (tiếp theo)

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chí phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa đã bán, đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản đối chiếu cụ thể.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% và được hưởng ưu đãi miễn 1 năm (2006) giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2007 đến 2010), các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

15. Công cụ tài chính: (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền	**10.627.403.795**	**13.398.594.624**
Tiền mặt	1.533.075.747	1.529.785.078
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.094.328.048	11.868.809.546
Các khoản tương đương tiền	**42.805.748.223**	**6.697.639.863**
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	42.805.748.223	6.697.639.863
Cộng	**53.433.152.018**	**20.096.234.487**

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**9.812.047.596**	**(528.410.328)**	**5.809.922.036**	**(267.144.065)**
Khách hàng trong nước	9.812.047.596	(528.410.328)	5.809.922.036	(267.144.065)
Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM	*966.282.953*	-	*1.443.960.574*	-
Khách hàng trong nước khác	*8.845.764.643*	*(528.410.328)*	*4.365.961.462*	*(267.144.065)*
Cộng	**9.812.047.596**	**(528.410.328)**	**5.809.922.036**	**(267.144.065)**

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**2.476.917.011**	-	**530.849.952**	-
Nhà cung cấp trong nước	2.476.917.011	-	530.849.952	-
Cộng	**2.476.917.011**	-	**530.849.952**	-

4. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	**5.401.113.328**	-	**11.218.650.199**	-
Tạm ứng cổ tức	213.936.799	-	-	-
Phải thu người lao động	233.916.023	-	477.006.010	-
Ký cược, ký quỹ	37.000.000	-	37.000.000	-
Các khoản chi hộ (BHYT)	4.810.791.409	-	10.643.334.430	-
Phải thu khác	105.469.097	-	61.309.759	-
b. Dài hạn	**266.436.900**	-	**366.436.900**	-
Ký cược, ký quỹ	266.436.900	-	366.436.900	-
Cộng	**5.667.550.228**	-	**11.585.087.099**	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.184.885.204	-	20.338.437.518	-
Công cụ, dụng cụ	1.251.499.954	-	1.123.934.367	-
Hàng hoá	11.843.957.214	-	9.723.376.838	-
Cộng	**36.280.342.372**	-	**31.185.748.723**	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

6. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 30)

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.970.212.772	1.583.539.700	**8.553.752.472**
Số dư cuối năm	6.970.212.772	1.583.539.700	**8.553.752.472**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	995.744.664	1.092.400.189	**2.088.144.853**
Khấu hao trong năm	*165.957.444*	*72.549.996*	**238.507.440**
Số dư cuối năm	1.161.702.108	1.164.950.185	**2.326.652.293**
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.974.468.108	491.139.511	**6.465.607.619**
Số dư cuối năm	5.808.510.664	418.589.515	**6.227.100.179**

7. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

* Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có
* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 919.359.700 VND
* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
* Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.
* Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

8. Chi phí trả trước	**31/12/2017**	**01/01/2017**
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	**1.634.272.791**	**1.692.045.462**
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	-	134.130.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	46.362.798
Các khoản khác (chi phí bảo trì phần mềm, bảo hiểm)	1.634.272.791	1.511.552.664
b. Chi phí trả trước dài hạn	**9.757.989.834**	**8.365.380.135**
Chi phí thành lập chi nhánh	190.821.292	477.053.242
Giá trị còn lại của các TSCĐ, CCDC không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá	7.191.701.780	5.738.819.027
Các khoản khác	2.375.466.762	2.149.507.866
Cộng	**11.392.262.625**	**10.057.425.597**

9. Phải trả người bán	**31/12/2017**		**01/01/2017**	
	Giá trị	**Số có khả năng trả nợ**	**Giá trị**	**Số có khả năng trả nợ**
Ngắn hạn	**43.503.431.025**	**43.503.431.025**	**46.426.970.272**	**46.426.970.272**
Nhà cung cấp trong nước	43.503.431.025	43.503.431.025	46.426.970.272	46.426.970.272
Cty TNHH DP & TTBYT Hoàng Đức	*858.352.060*	*858.352.060*	*1.515.958.660*	*1.515.958.660*
Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ H.T.L	*696.763.000*	*696.763.000*	*1.965.223.500*	*1.965.223.500*
Cty TNHH TTB & VTYT Hoàng Việt Long	*681.513.550*	*681.513.550*	*381.721.000*	*381.721.000*
Cty TNHH Thương Mại Vật Tư KHKT (TRAMATCO)	*50.300.000*	*50.300.000*	*8.342.213.336*	*8.342.213.336*
Cty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế KI TA PI DA	*2.818.560.000*	*2.818.560.000*	*2.047.900.000*	*2.047.900.000*
Cty TNHH TM Tâm Hợp	*4.756.520.033*	*4.756.520.033*	*4.614.694.949*	*4.614.694.949*
Cty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	*1.955.446.171*	*1.955.446.171*	*1.942.948.705*	*1.942.948.705*
Cty CP Dược Liệu TWII (Phytopharma)	*6.048.984.637*	*6.048.984.637*	*6.550.631.459*	*6.550.631.459*
Nhà cung cấp trong nước khác	*25.636.991.574*	*25.636.991.574*	*19.065.678.663*	*19.065.678.663*
Cộng	**43.503.431.025**	**43.503.431.025**	**46.426.970.272**	**46.426.970.272**

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	**4.936.035.103**	**2.212.294.825**
Khách hàng trong nước	4.936.035.103	2.212.294.825
Thu tạm ứng bệnh nhân	*3.974.885.007*	*1.003.163.873*
Khách hàng trong nước khác	*961.150.096*	*1.209.130.952*
Cộng	**4.936.035.103**	**2.212.294.825**

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp	**01/01/2017**	**Số phải nộp trong năm**	**Số đã thực nộp trong năm**	**31/12/2017**
Thuế giá trị gia tăng	-	600.491.035	600.491.035	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.211.929.302	8.103.921.268	8.499.512.277	816.338.293
Thuế thu nhập cá nhân	1.223.457.295	7.109.494.982	7.712.391.940	620.560.337
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	155.976.008	155.976.008	-
Cộng	**2.435.386.597**	**15.974.883.293**	**16.973.371.260**	**1.436.898.630**

b. Phải thu	**01/01/2017**	**Số phát sinh trong năm**	**Số đã khấu trừ trong năm**	**31/12/2017**
Thuế GTGT được khấu trừ	45.358.730	5.800.153.649	5.809.874.752	35.637.627
Cộng	**45.358.730**	**5.800.153.649**	**5.809.874.752**	**35.637.627**

12. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	**1.490.438.329**	**1.170.023.615**
Chi phí phải trả (tiền điện, nước, xét nghiệm, bảo trì máy chuyên dùng...)	1.490.438.329	1.170.023.615
Cộng	**1.490.438.329**	**1.170.023.615**

13. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	**2.054.575.244**	**1.582.468.138**
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp, KPCĐ	146.506.369	-
Lợi nhuận phẫu thuật 2013 trả viện tim	630.889.135	630.889.135
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	56.000.001
Tiền tài trợ các hợp đồng nghiên cứu, hội thảo	1.164.524.819	748.991.097
Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.654.921	146.587.905
b. Dài hạn	-	**100.000.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	100.000.000
Cộng	**2.054.575.244**	**1.682.468.138**

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 31)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	**Tỷ lệ vốn góp**	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Vốn góp của các nhà đầu tư: cổ đông pháp nhân, cá nhân	100%	155.520.000.000	155.520.000.000
Cộng	**100%**	**155.520.000.000**	**155.520.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	**Năm 2017**	**Năm 2016**
Vốn góp của chủ sở hữu	**155.520.000.000**	**155.520.000.000**
Vốn góp đầu năm	*155.520.000.000*	*155.520.000.000*
Vốn góp cuối năm	*155.520.000.000*	*155.520.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	32.741.052.000	49.111.578.000

d. Cổ phiếu	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông	*15.552.000*	*15.552.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông	*15.552.000*	*15.552.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	*10.000*	*10.000*

e. Các quỹ của doanh nghiệp	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sỡ hữu	604.942.829	599.638.910
Cộng	**17.208.410.566**	**17.203.106.647**

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Tài sản nhận giữ hộ:	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	
		31/12/2017	**01/01/2017**
Vật tư ký gửi			
Amplatez/Coil	*Cái*	*83*	*71*
Anneaux	*Cái*	*35*	*35*
Ballon	*Cái*	*508*	*436*
Ballon	*Bộ*	*3*	*14*
Dụng Cụ Điện Sinh Lý	*Cái*	*52*	*57*
Pacemaker	*Bộ*	*10*	-
Pacemaker	*Cái*	*7*	*20*

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Stent	*Cái*	*350*	*344*
Valve	*Cái*	*60*	*64*
Y Dụng Cụ	*Bộ*	*6*	*15*
Y Dụng Cụ	*Cái*	*182*	*48*
Cộng		**1.296**	**1.104**

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	$ 52.114,89	1.181.183.982	$ 46.340,37	1.052.853.206
EUR	€ 22.608,29	612.911.872	€ 20.309,20	483.074.631
Cộng		**1.794.095.854**		**1.535.927.837**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2017**	**Năm 2016**
Doanh thu khám, chữa bệnh	411.021.019.179	356.802.615.126
Doanh thu bán thuốc	129.203.953.662	119.851.119.807
Doanh thu trực tiếp dịch vụ Nhà hàng	2.774.525.453	2.875.672.752
Cộng	**542.999.498.294**	**479.529.407.685**

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2017**	**Năm 2016**
Doanh thu khám, chữa bệnh	411.021.019.179	356.802.615.126
Doanh thu bán thuốc	129.203.953.662	119.851.119.807
Doanh thu trực tiếp dịch vụ Nhà hàng	2.774.525.453	2.875.672.752
Cộng	**542.999.498.294**	**479.529.407.685**

3. Giá vốn hàng bán	**Năm 2017**	**Năm 2016**
Giá vốn DV khám chữa bệnh	294.989.962.039	253.806.649.362
Giá vốn bán thuốc	113.718.310.243	104.983.059.235
Giá vốn dịch vụ Nhà hàng	8.979.042.727	8.494.274.801
Cộng	**417.687.315.009**	**367.283.983.398**

4. Doanh thu hoạt động tài chính	**Năm 2017**	**Năm 2016**
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.199.215.753	420.238.447
Lãi chênh lệch tỷ giá	70.700.560	4.056.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	732.502
Cộng	**1.269.916.313**	**425.026.949**

5. Chi phí tài chính	**Năm 2017**	**Năm 2016**
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.027.736
Cộng	**-**	**1.027.736**

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	5.109.136.314	4.560.967.497
Chi phí vật liệu, bao bì	635.581.399	760.464.972
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	216.099.364	226.026.585
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.162.500	7.950.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.962.359.745	5.638.506.316
Chi phí bằng tiền khác	566.573.943	532.945.612
Cộng	**12.496.913.265**	**11.726.860.982**
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	22.455.671.410	18.566.655.210
Chi phí vật liệu, bao bì	539.456.647	484.000.083
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.720.171.087	1.196.654.408
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.084.349.733	7.012.946.369
Thuế, phí, lệ phí	694.208.000	665.194.000
Dự phòng phải thu khó đòi	261.266.263	40.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.085.332.703	8.520.604.631
Chi phí bằng tiền khác	1.724.506.661	1.570.608.580
Cộng	**43.564.962.504**	**38.056.663.281**

7. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	10.145.962	1.540.332
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	323.181.818
Các khoản khác	1.300.425.475	1.376.376.257
Cộng	**1.310.571.437**	**1.701.098.407**

8. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	295.824.755	-
Xử lý vật tư thiếu sau kiểm kê	16.514.289	9.360.809
Các khoản bị phạt	155.976.008	-
Các khoản khác	226.142.488	561.004.873
Cộng	**694.457.540**	**570.365.682**

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.102.803.794	260.733.676.581
Chi phí nhân công	114.955.958.436	96.397.450.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.708.501.556	16.751.587.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.701.776.983	21.743.983.334
Chi phí khác bằng tiền	25.374.743.658	22.701.423.155
Cộng	**478.843.784.427**	**418.328.121.862**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.103.921.268	7.212.263.161
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**8.103.921.268**	**7.212.263.161**

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**63.032.416.458**	**56.804.368.801**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	**(3.869.166.993)**	**(3.544.957.277)**
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	*(3.869.166.993)*	*(3.544.957.277)*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**59.163.249.465**	**53.259.411.524**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.552.000	15.552.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.804**	**3.425**

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.163.249.465	53.259.411.524
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	**59.163.249.465**	**53.259.411.524**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	**15.552.000**	**15.552.000**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**3.804**	**3.425**

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	*Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế*
Năm nay		
Đồng Việt Nam	+200	1.032.781.123
Đồng Việt Nam	-200	(1.032.781.123)
Đô-la Mỹ	+100	11.811.840
Đô-la Mỹ	-100	(11.811.840)
Đồng EURO	+100	6.129.119
Đồng EURO	-100	(6.129.119)
Năm trước		
Đồng Việt Nam	+100	185.603.067
Đồng Việt Nam	-100	(185.603.067)
Đô-la Mỹ	+100	10.528.532
Đô-la Mỹ	-100	(10.528.532)
Đồng EURO	+500	24.153.732
Đồng EURO	-500	(24.153.732)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

13.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến phải thu khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Dưới 90 ngày	9.283.637.268	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	528.410.328
Tổng cộng giá trị ghi sổ	**9.283.637.268**	-	-	**528.410.328**
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(528.410.328)
Giá trị thuần	**9.283.637.268**	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Dưới 90 ngày	5.542.805.705	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	267.144.065
Tổng cộng giá trị ghi sổ	**5.542.805.705**	-	-	**267.144.065**
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(267.144.065)
Giá trị thuần	**5.542.805.705**	-	-	-

13.3 ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
Phải trả người bán	43.503.431.025	-	-	43.503.431.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.121.327.464	-	-	2.121.327.464
Cộng	**45.624.758.489**	-	-	**45.624.758.489**
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Phải trả người bán	46.426.970.272	-	-	46.426.970.272
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.800.912.750	100.000.000	-	1.900.912.750
Cộng	**48.227.883.022**	**100.000.000**	-	**48.327.883.022**

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 32)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		**Năm 2017**	**Năm 2016**
Thu nhập của Hội đồng quản trị	Thù lao, lương và thưởng	1.634.039.996	1.469.599.996
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	7.115.630.908	6.647.402.706
Cộng		**8.749.670.904**	**8.117.002.702**

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có trụ sở chính và chi nhánh đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

4.1. Báo cáo bộ phận: theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2017	Lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác	Lĩnh vực kinh doanh bán thuốc	Tổng cộng
Doanh thu thuần	413.795.544.632	129.203.953.662	542.999.498.294
Giá vốn	303.969.004.766	113.718.310.243	417.687.315.009
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.826.539.866	15.485.643.419	125.312.183.285
Năm 2016			
Doanh thu thuần	359.678.287.878	119.851.119.807	479.529.407.685
Giá vốn	262.300.924.163	104.983.059.235	367.283.983.398
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.377.363.715	14.868.060.572	112.245.424.287

4.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Trụ sở chính và chi nhánh (Phòng khám đa khoa Tâm Đức; Phòng khám đa khoa Phúc Đức) của Công ty đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và hạch toán phụ thuộc. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU - PHÓ GĐTC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Thanh Nga	Võ Thiện Tân	Ths. Đỗ Kim Thúy

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	140.534.297.435	145.404.519.071	3.512.558.400	875.045.929	407.816.561	**290.734.237.396**
Mua trong năm	*90.420.000*	*4.375.562.178*	*1.304.926.228*	*139.876.000*	-	**5.910.784.406**
Thanh lý, nhượng bán	-	*(1.098.022.505)*	-	*(369.467.430)*	*(43.100.000)*	**(1.510.589.935)**
Số dư cuối năm	140.624.717.435	148.682.058.744	4.817.484.628	645.454.499	364.716.561	**295.134.431.867**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	37.351.115.289	80.706.155.672	1.415.028.123	666.869.864	234.623.248	**120.373.792.196**
Khấu hao trong năm	*4.864.196.890*	*12.081.818.874*	*437.790.180*	*56.204.612*	*29.983.560*	**17.469.994.116**
Tăng, giảm do chuyển nhóm tài sản	-	*(62.794.225)*	-	*62.794.225*	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	*(845.951.617)*	-	*(322.613.563)*	*(43.100.000)*	**(1.211.665.180)**
Số dư cuối năm	42.215.312.179	91.879.228.704	1.852.818.303	463.255.138	221.506.808	**136.632.121.132**
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	103.183.182.146	64.698.363.399	2.097.530.277	208.176.065	173.193.313	**170.360.445.200**
Số dư cuối năm	98.409.405.256	56.802.830.040	2.964.666.325	182.199.361	143.209.753	**158.502.310.735**

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.224.023.223 VND.
* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.
* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**155.520.000.000**	**1.407.488.000**	**16.603.467.737**	**1.380.974.088**	**17.015.946.031**	**191.927.875.856**
Lợi nhuận	-	-	-	-	56.804.368.801	56.804.368.801
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.644.957.277	(4.155.009.867)	(1.510.052.590)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.111.578.000)	(49.111.578.000)
Giảm khác	-	-	-	(3.426.292.455)	-	(3.426.292.455)
Số dư cuối năm trước	**155.520.000.000**	**1.407.488.000**	**16.603.467.737**	**599.638.910**	**20.553.726.965**	**194.684.321.612**
Số dư đầu năm nay	**155.520.000.000**	**1.407.488.000**	**16.603.467.737**	**599.638.910**	**20.553.726.965**	**194.684.321.612**
Lợi nhuận	-	-	-	-	63.032.416.458	63.032.416.458
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	2.869.166.993	(4.470.449.167)	(1.601.282.174)
Chia cổ tức (*)	-	-	-		(32.741.052.000)	(32.741.052.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.863.863.074)		(2.863.863.074)
Số dư cuối năm nay	**155.520.000.000**	**1.407.488.000**	**16.603.467.737**	**604.942.829**	**46.374.642.256**	**220.510.540.822**

(*) Căn cứ theo Nghị quyết 01.2017/NQ-ĐHCĐ ngày 29/4/2017, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2016 và tạm trích các quỹ năm 2017, tạm chia cổ tức năm 2017 cụ thể như sau:

	Năm 2017
- Trích lập các quỹ	
+ Tạm trích quỹ từ thiện năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	*600.000.000*
+ Tạm trích quỹ nhân đạo năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	*600.000.000*
+ Tạm trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	*2.269.166.993*
+ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	*400.000.000*
+ Tạm trích quỹ khoa học công nghệ năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	*601.282.174*
	4.470.449.167
- Chia cổ tức	
+ Chia cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết 01.2017/NQ-ĐHCĐ ngày 29/04/2017	*16.370.526.000*
+ Tạm chia cổ tức năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	*16.370.526.000*
	32.741.052.000

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2017		31/12/2016		31/12/2017	31/12/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	9.812.047.596	(528.410.328)	5.809.922.036	(267.144.065)	9.283.637.268	5.542.777.971
- Phải thu khác	4.810.791.409	-	10.643.334.430	-	4.810.791.409	10.643.334.430
- Tiền và các khoản tương đương tiền	53.433.152.018	-	20.096.234.487	-	53.433.152.018	20.096.234.487
- Tài sản tài chính khác	303.436.900	-	403.436.900	-	303.436.900	403.436.900
TỔNG CỘNG	**68.359.427.923**	**(528.410.328)**	**36.952.927.853**	**(267.144.065)**	**67.831.017.595**	**36.685.783.788**
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	43.503.431.025	-	46.426.970.272	-	43.503.431.025	46.426.970.272
- Nợ phải trả tài chính khác, chi phí phải trả	2.121.327.464	-	1.900.912.750	-	2.121.327.464	1.900.912.750
TỔNG CỘNG	**45.624.758.489**	**-**	**48.327.883.022**	**-**	**45.624.758.489**	**48.327.883.022**

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

BIÊN BẢN LÀM VIỆC BAN KIỂM SOÁT

Hôm nay ngày 29 tháng 03 năm 2018, chúng tôi gồm có:

Ban Kiểm soát :

1. Vương Thị Quỳnh Anh : Trưởng ban
2. Bà Bùi Thúy Kiều : Ủy viên
3. BS.Nguyễn Nhị Phương : Ủy viên

Đại diện Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức :

1. ThS. Đỗ Kim Thuý : Tổng Giám Đốc
2. Phan Thị Thanh Nga : Phó Giám Đốc Tài chính
3. Võ Thiện Tân : Kế toánTrưởng

Ban Thư ký : CN. Trương Thị Mai Lan

Sau khi đã kiểm tra chứng từ, sổ sách và các báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức, chúng tôi thống nhất như sau:

A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHUYÊN MÔN :

Kết quả hoạt động chuyên môn năm 2017 đạt kết quả tốt trong tình hình kinh tế khó khăn, bệnh viện đã đưa ra nhiều giải pháp để đạt và một số hoạt động chuyên môn vượt kế hoạch với những nỗ lực rất lớn của đội ngũ bác sĩ Tâm Đức :

Các chỉ số chuyên môn đạt và vượt kế hoạch gồm có :

- Khám chữa bệnh ngoại trú tăng 5,6% so với năm 2016 (98.628/93.361 lượt) trong đó khám tim tăng 8,2% (86.878/80.290 lượt). Bình quân mỗi ngày có 320 người bệnh đến khám, nhưng cũng có ngày lên đến 454 người đến khám bệnh.
- Điều trị nội trú tăng 1,7% so với năm 2016 (5.485/5.392 bệnh nhân/năm), số bệnh nhân cấp cứu tương đương năm 2016 chủ yếu ở nhóm bệnh mạch vành.
- Thông tim can thiệp : tăng 6,7% so với năm 2016 (1.638/1.534 bệnh nhân/năm).
- Điện sinh lý tim : giảm so với năm 2016 đạt 92,78% (244/263 ca/năm). Bệnh viện đã thực hiện kỹ thuật mới cắt đốt bằng mapping 3D thành công tốt đẹp đến nay được 49 trường hợp.
- Phẫu thuật tim : tăng 4,8% so với năm 2016 (509/480). Bệnh viện Tim Tâm Đức là bệnh viện chuyên khoa tim ngoài công lập mổ tim nhiều nhất nước, trong tổng số 23 trung tâm có thể phẫu thuật tim.
- Trẻ em mắc bệnh tim cần mổ ở các địa phương có nhiều lựa chọn bệnh viện để phẫu thuật. Tâm Đức vẫn tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và các nhà tài trợ. Tâm Đức đã đến các Tỉnh như Trà Vinh, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, An Giang,... khám sàng lọc bệnh tim mạch cho 3550 trẻ trong đó có 296 trẻ có chỉ định phẫu thuật. Năm 2017, Tâm Đức đã mổ được 319 em có chỉ định phẫu thuật trong các đợt khám sàng lọc, chiếm tỷ lệ 63% trong tổng số ca mổ.

- Về bảo hiểm y tế năm 2017 so với năm 2016 : số lượt BHYT chung tăng 14% (18.589/16.314), số tiền thanh toán BHYT cũng tăng 15% (70 tỷ/61 tỷ) do số lượng bệnh nhân tăng và giá thanh toán BHYT tăng từ 01/03/2016 theo Thông tư 37. Khối ngoại trú có 14.706 lượt bệnh nhân BHYT chiếm 15% trong tổng số BN đến khám (14.706/98.628). Khối nội trú có 3.883 lượt bệnh nhân BHYT chiếm 71% trong tổng số ca nằm viện (3.883/5.485).
- Phòng Khám Đa Khoa Tâm Đức số 1 (Phòng Khám Đa Khoa Tâm Đức) : duy trì hoạt động tốt, tổng số khám năm 2017 tương đương năm 2016 (24.390/24.269) mặc dù theo qui định từ năm 2015 của BHXH, Phòng Khám Đa khoa Tâm Đức không được thanh toán BHYT. Điều này chứng tỏ Phòng khám vẫn được bệnh nhân tín nhiệm về chất lượng và dịch vụ nên không bị giảm sút số lượt bệnh nhân dù không được BHYT chi trả.

B. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH KẾ TOÁN :

- Tổng doanh thu năm 2017 : 545.579.986.044 VND (tăng 13% so với năm 2016), vượt 14% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 là 480 tỷ.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 : 71.136.337.726 VND (tăng 11% so với thực hiện năm 2016), vượt 9% so với kế hoạch năm 2017 là 65 tỷ.
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2017 : 63.032.416.458 VND (tăng 11% so với thực hiện năm 2016), vượt 9% so với kế hoạch năm 2017 là 58 tỷ. Đóng góp phần Thuế thu nhập doanh nghiệp : 8,5 tỷ (tăng 21% so với năm 2017).
- Bình quân lãi cơ bản là 3.804 VND/cổ phiếu (so với năm 2016 là 3.425 VND/cổ phiếu, tăng 11%). Vốn điều lệ : 155,52 tỷ, tổng cổ phiếu là : 15.552.000 CP.

Với số liệu tài chính năm 2017 như trên cho thấy Bệnh viện tim Tâm Đức đã vượt kế hoạch tài chính năm 2017 đề ra và vượt kết quả tài chính năm 2016.

C. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức hoạt động từ tháng 3/2006 và đã có kết quả tài chính dương liên tiếp 11 năm từ năm 2007 đến nay.
- Ban quản lý bệnh viện vẫn tiếp tục phát huy tốt vai trò quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của bệnh viện. Bệnh viện đã trang bị mới những thiết bị quan trọng như máy bơm đối xung động mạch chủ của Mỹ, máy lọc máu liên tục của Đức, máy đo loãng xương của Pháp, máy giúp thở Servo-I của Thuỵ Điển, máy nội soi tiêu hoá của Mỹ, máy chụp võng mạc của Nhật.
- Quản lý tài chính về mặt sổ sách chứng từ đúng quy cũ và theo chuẩn mực kế toán hiện hành, được Công ty kiểm toán soát xét vào tháng 8 và kiểm toán cuối niên độ tài chính.
- Theo quy định của nhà nước, ngày 09/01/2017 Công ty CP Tim Tâm Đức đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom vào ngày 23/01/2017.
- Bệnh viện thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, năm 2017 tổng số thuế đã nộp vào NSNN là 16,9tỷ. BV Tim Tâm Đức đã nhận được bằng khen của Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế và Cục thuế TPHCM về việc chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế nhiều năm liên tiếp từ 2013-2014-2015-2016.
- Năm 2017, thực hiện tốt BHYT, không bị xuất toán đáng kể. Từ tháng 10, Tâm Đức triển khai phần mềm mới của FPT và đang đi dần vào hoàn thiện hệ thống.

- Điểm nổi bật nhất của Tâm Đức trong năm qua là đã nhận được bằng khen của UBND TPHCM vì có thành tích xuất sắc trong triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chất lượng phục vụ người bệnh. Tâm Đức là 1 trong 11 bệnh viện thành phố và là 1 trong 3 bệnh viện ngoài công lập có điểm quản lý chất lượng bệnh viện cao nhất, đạt 4.07/5 điểm. Sở Y tế TPHCM đã biểu dương kết quả và những sáng kiến của Tâm Đức nhất là về lĩnh vực cấp cứu.
- Để duy trì và nâng cao chất lượng bệnh viện, cuối năm 2017 Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã có chỉ đạo các trưởng bộ phận lập kế hoạch cải tiến chất lượng của từng khoa phòng cho năm 2018. Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện có nhiệm vụ kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện cải tiến chất lượng của từng Khoa phòng.
- Tâm Đức vẫn tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với địa phương và các nhà tài trợ để tăng số trẻ em nghèo được mổ tim và số bệnh nhân được phẫu thuật.

Biên bản được lập ngày 29 tháng 03 năm 2018 và lập thành 4 bản (mỗi bản gồm 3 trang) có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

CT CP Bệnh viện Tim Tâm Đức	Ban kiểm soát	Ban Thư ký
Tổng Giám Đốc	Trưởng Ban	
Bà Đỗ Kim Thuý	Vương Thị Quỳnh Anh	Trương Thị Mai Lan

Phó Giám Đốc Tài chính	Kế toán Trưởng	Thành viên BKS	
Phan Thị Thanh Nga	Võ Thiện Tân	Bùi Thúy Kiều	Nguyễn Nhị Phương

BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Nam Sài Gòn - 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP.HCM.
Website: www.tamducheartthospital.com Điện thoại: 54110036 Fax: 5411 0029